1. Thơ ca chính là sự kết tinh giữa chữ tình và cái tài của thi nhân. Tình chính là tâm sơ còn tài lại cái cách biểu đạt qua từng con chữ. Để có thể chạm vào vào trái tim người đọc thì mỗi tác phẩm không chỉ mang theo tâm tình, nỗi lòng, tình yêu của tác giả mà nó còn là sự chắt lọc, trau chuốt trên từng vần thơ, câu chữ. Nhà thơ … đã nói :”…”. Câu nói ấy là bàn về trách nhiệm của người làm thơ và đặc điểm của ngôn từ, bởi thơ ca cũng như văn chương nói chung đều bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực và được xây dựng bằng vật liệu ngôn từ. Người nghệ sĩ luôn phải dùng tài nghệ của chính mình để biến ngôn ngữ đời thường thành ngôn ngữ văn học, để có thể tạo nên những câu thơ không chỉ đẹp riêng về ngôn ngữ mà còn đẹp về cả ý tứ câu thơ.
2. Để tạo nên một tác phẩm độc đáo các nhà thơ cần trải qua quá trình lao động nhọc nhằn, như người đào vàng, tìm ngọc, đãi từ kho quặng chữ thô ráp mới có thể lấy ra một viên ngọc chữ nghĩa tinh khôi. Nhiều khi khát cháy trên sa mạc ngôn từ vẫn chưa tìm được thứ báu vật thiêng liêng ấy. Bởi thơ không chỉ có nghĩa mà chủ yếu là tình, là hồn, là những khái niệm ai cũng biết nhưng để lý giải, khai thác một cách triệt để là vô cùng khó. Trong thơ có hơi thở, có hồn, có trái tim, có sự chiêm nghiệm, từng trải mà thấm nhuần. Sẽ rất khó để có thể đạt tới sự thấu tỏ tuyệt đối về cảm xúc và ý tứ, về những lung linh của con chữ, về tiết tấu nhịp điệu mang dấu ấn văn hóa, lịch sử, phong tục, thói quen. Trong sự lao động của nhà thơ luôn có sự lao động về ngôn ngữ, trong sự giày vò của sáng tạo nghệ thuật luôn có sự giày vò về ngôn từ. Thành công của một tác phẩm phần lớn là nhờ khả năng ngôn ngữ, sự trau chuốt tỉ mỉ về câu từ của tác giả; viết sao cho hay, viết sao cho đúng mà vẫn giữ được nét đẹp ngôn từ luôn là phương châm sáng tạo của người viết. Trách nhiệm của các văn nghệ sỹ trước thời đại và cuộc sống là phải thấu hiểu con người.
3. Trải qua thời gian, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca ngày càng phát triển và hoàn thiện tựa như những nguồn nước mát trong nảy sinh từ cội nguồn sáng tạo sâu thẳm vô tận. Chính vì vậy, ngôn ngữ thơ ca không phải là vẻ đẹp của đồ trang sức hay trò chơi phù phiếm, mà là vẻ đẹp tỏa ra từ tâm hồn và ánh lên từ cuộc sống, thông qua sự mài dũa và tinh luyện của nhà thơ. Nhà thơ không ngừng sáng tạo, gọt giũa, nhào luyện để tạo nên giá trị về nghệ thuật ngôn từ tạo nên ngôn ngữ để sáng tạo thơ ca. Ngôn ngữ thơ ca phải tinh luyện, mới mang được dấu ấn sáng tạo riêng của người nghệ sĩ.
4. Thơ ca đối với con người, có lẽ cũng giống như bản nhạc mà người soạn nhạc Eduardo đã tặng Danhi nhân ngày cô tròn mười tám tuổi trong “Lẵng quả thông” của Paustopsky. Bản nhạc ấy khiến cô nghe thấy tiếng động của quê hương, của tiếng tù và lưng núi,… nó khiến cô khao khát thét lên rằng “Hỡi cuộc sống ta yêu người”. Một tác phẩm nghệ thuật cũng vậy chăng? Nó tưới mát tâm hồn người bằng ngọn gió trong lành của chính cuộc sống mà ta đang sống, như khi ta đọc một vần thơ hay ta cảm thấy cuộc sống tràn đầy trong trái tim mình. Một tác phẩm văn học ra đời đều sinh ra từ cái nôi hiện thực, phảng phất hơi thở của thời đại cùng sự rung động tinh tế của nhà văn, như … đã nói :”…”.
5. Thơ ca vốn bắt nguồn từ cuộc sống mà tâm điểm là hướng về con người, chúng ta luôn tìm được sợi dây liên kết vô hình giữa tiếng nói cất lên từ thơ ca hòa cùng tiếng nói tâm hồn mỗi con người. Thế giới trong trang thơ mở ra đâu đó luôn tồn tại những hình ảnh gần gũi từ thế giới hiện thực mà ta đang sống, có điều mới mẻ và đặc biệt hơn. Chất thơ vốn có trong hiện thực, bởi nếu không có mùa thu đẹp đẽ của cuộc đời, không thể có mùa thu của thi ca.  Đối với Chế Lan Viên, bản thân hiện thực đã là “một nửa” của bài thơ – đó chính là vẻ đẹp “mùa thu” vốn có trong cuộc sống, và một nửa còn lại nằm ở tâm hồn người nghệ sĩ. Để cho “mùa thu làm lấy” nửa kia của hồn thơ là việc người nghệ sĩ cần có, đặt trang thơ vào cuộc sống và làm sao cho hơi thở cuộc đời tràn đầy trong từng câu chữ. Đó là đặc trưng của thơ ca, phải luôn hướng về hiện thực và từ đó đi sâu vào thế giới nội tâm của con người.
6. Vẻ đẹp của thơ bắt nguồn từ cuộc sống và khả năng cảm nhận tinh tế, nhạy cảm của nhà thơ. Tố Hữu từng nói: “Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy”, khi những cảm xúc mãnh liệt đè nặng trái tim nhà thơ không thể nói thành lời, thì khi ấy thơ lại là nơi để giãi bày. Những vần thơ viết ra từ chính sự xúc động tâm hồn của nhà thơ trước cuộc đời là những vần thơ có giá trị hơn bao giờ hết. Nếu nhà thơ tồn tại trên cuộc đời chỉ giống như “một bông hoa điếc và không truyền đạt hết mình cho đồng loại tất cả phong phú của tư tưởng và tình cảm” đang tràn ngập trong chính tâm hồn người nghệ sĩ trước những tiếng vang vọng của cuộc đời, thì đó không phải là người nghệ sĩ chân chính. Sứ mệnh nhà văn như một “người nghệ sĩ trung thành của thời đại” (Balzac), anh phải giúp cho người đọc hình dung những gì đang diễn ra trong cuộc sống chúng ta tồn tại, gây cho người đọc lòng trắc ẩn, tình yêu thương và ý thức phản kháng lại cái xấu xa, tàn ác. Con người cần nhìn thấy những gì chưa bao giờ thấy, hiểu những gì chưa bao giờ biết, tất cả những câu trả lời mà độc giả muốn có mà tác giả mang lại đều phải xoay quanh chính cuộc sống hiện tại. Không ai muốn đọc một tác phẩm mà ở đó, ta không tìm thấy sự đồng điệu và chia sẻ xa lạ, như Chế Lan Viên cũng cho rằng:

*“Đừng làm những câu thơ đi tìm kiếm sao Kim*

*Thứ vàng ấy loài người chưa biết đến”*

Tài năng và tâm hồn nhà thơ là một yếu tố hết sức quan trọng nhưng công việc của nhà thơ không phải chỉ dừng lại ở đó, anh phải là người đi tìm kiếm “hạt thơ trên luống đất của những người dân cày” (Pautopsky) từ mảnh đất hiện thực và ấp ủ chúng trong trái tim mình, để lại cho đời những “đóa hoa thơ” thật đẹp. Những đóa hoa ấy sẽ trở lại tô điểm cho cuộc đời và cho loài người niềm an ủi, đồng cảm mãnh liệt nhất.

1. Không thể nào nhà thơ có thể khiến cho “nhãn quan con người tinh tường thêm” (Pautopsky), nếu tác phẩm của anh không phản ánh hiện thực cuộc sống, người đọc không thể cảm nhận được gì khi những gì người viết không có mặt cuộc sống của họ ở đấy. Quan sát và cảm nhận hiện thực là điều không thể thiếu trong nghề viết, bởi đối tượng văn học phản ánh chính là con người, khi “Văn học và cuộc đời là những vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu) thì chỉ có đi sâu vào đời sống của con người, của xã hội hiện thực, bản thân người nghệ sĩ mới lột tả sâu sắc nhất bức chân dung mang tên “con người”.
2. Một hiện thực vĩ đại không làm nên một tác phẩm vĩ đại. “Đừng cậy thời đại oai hùng nếu tâm hồn anh quá bé” (Chế Lan Viên), văn học cần có tài năng và cái tâm của người nghệ sĩ. Bản thân mỗi nhà văn, nhà thơ là những chủ thể sáng tạo, đi tìm những hạt mầm khác nhau trên nền mảnh đất hiện thực chung. Mỗi nghệ sĩ chân chính sẽ có cách diễn đạt và miêu tả khác nhau để truyền tư tưởng đến người đọc, chúng đa màu và đa dạng như những bông hoa khác nhau, tỏa ra hương sắc riêng trên mảnh đất hiện thực cuộc sống.
3. Nhà thơ như chàng Samet đi nhặt những “hạt bụi” quý trong cuộc đời mênh mông vô tận để làm nên một “bông hồng vàng” giá trị, bông hồng đem lại niềm vui, cái đẹp cho tầm hồn người đọc thơ. Cái đẹp trong văn học là “cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật” (Thạch lam), từ chính ở hiện thực cuộc sống , nó phải đi qua một tâm hồn và trí tuệ, người làm thơ để cho người đọc một bài học “trông nhìn và thưởng thức”. Trước mắt là tâm hồn rộng mở của người làm thơ, cùng với đó là hơi thở thời đại mạnh mẽ vang dậy từ tác phẩm – đó là nghệ thuật đích thực.
4. Nhà văn Nguyễn Tuân trong tác phẩm “Võng ngô đồng” từng viết: “Mỗi khi đặt bút lên tờ giấy trắng trong tinh khiết, tôi cảm thấy sung sướng vô vàn, sung sướng đến chảy nước mắt ra”. Và ông luôn đau đáu “tưởng như mình có thể chết nếu mất đi quyền viết”. Văn chương hay nghề viết cao quý đến thế có lẽ cốt cũng bởi cái tình, cái khát vọng bộc lộ, giải bày cảm xúc xuất phát từ tấm lòng nhà văn. Bởi thế nên, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư - một nhà văn trẻ thời hiện đại từng có phút chiêm nghiệm về nghề viết rằng: “Tôi nghĩ nếu vẽ một biểu tượng của nghề viết mà tôi đang theo đuổi, tôi sẽ vẽ hình ảnh của giọt nước mắt”.
5. Viết văn, nói như nhà thơ Nekrasov: “Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết”. Văn chương khởi phát từ tấm lòng, từ “giọt nước mắt” chảy trong lồng ngực tác giả. Giọt nước mắt chính là hiện thân cho những giá trị cảm xúc, đó có thể là nước mắt đau đớn, là nước mắt đồng cảm, là những vui buồn, những vỡ òa trước phận đời hẩm hiu, trước những hiện thực ngang trái. Giọt nước mắt là sự phản chiếu, là sự minh chứng cho năng lực xúc cảm của tâm hồn tinh tế nơi người cầm bút.
6. Văn chương được ví như loài cây, đâm chồi từ mảnh đất màu mỡ mang tên cuộc sống. Để cây “văn” ấy lớn lên, ra hoa, kết trái, buộc người thợ phải chăm bón từ thứ nước đặc biệt - chính là nước mắt. Nước mắt từ đâu? Mảnh đất nuôi dưỡng con người đầy rẫy những khổ đau, đầy những oan trái bất công, liệu rằng một nhà văn chân chính có thể nhắm mắt làm ngơ trước những số phận khốn cùng?  Thiên chức nhà văn chính là lượm nhặt cảm xúc của mình nơi cuộc sống, để rồi anh ta đau, anh ta thấu, dằn vặt khôn nguôi đến khi cảm xúc dâng trào, đó là khi anh ta “khóc” - nước mắt không trào ra bên ngoài thì cũng chảy đầy trong tim và rồi anh ta viết.  Như “Andecxen dã lượm lặt những hạt trơ trên luống đất của những người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp lều, từ đó lớn lên và nảy nở những đóa hoa thơ đẹp, chúng an ủi trái tim của những người cùng khổ” (Pautopxki)
7. Nhà văn Heinrich Boll từng khẳng định rằng: “Tác giả tôi không sống trên ngọn hải đăng tỏa ánh trong sạch phát hiện cái dơ bẩn quanh mình, để rồi lên tiếng mắng chửi cái dơ bẩn ấy. Tác giả tôi sống trên đất đã làm nên anh ta, đau nỗi đau của đất đã làm nên anh ta”. Chỉ khi người nghệ sĩ hòa mình vào hiện thực với những tình cảm chân thành như thế, tác phẩm của anh mới thực sự chạm đến trái tim độc giả. Rung cảm trước những kiếp người lầm than chính là phẩm chất quan trọng làm nên cái tài của người nghệ sĩ. Mọi xúc cảm đối với người cầm bút viết nên trang đều khác lạ so với người bình thường. Bất kể là yêu, ghét, buồn, vui, hận thù hay thương cảm đều đến độ mãnh liệt. Bất kể viết về cái gì, nhà văn cũng thâm nhập vào đối tượng với một con tim nóng hổi, với một tấm lòng rộng mở, biết ngạc nhiên dù là một vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống. Cho nên khi một tấm lòng nhà văn đã thờ ơ, nguội lạnh, tâm hồn khép kín trước cuộc sống thì khi ấy tài năng nghệ thuật cũng biến mất. Nghệ thuật sinh ra để vì con người, nghệ thuật vị nhân sinh, vậy nên, tác phẩm nghệ thuật nào cũng cần thể hiện sự đồng cảm với nỗi đau của con người. Bởi nói như Nam Cao: “Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân”. Chỉ khi tình cảm trong tác phẩm đủ lớn, đủ sâu thì trái tim của cả nhà văn lẫn bạn đọc mới “hòa chung một nhịp”, để người đọc có thể tin rằng, dù cuộc đời khốn khó đến đâu, văn chương cũng không bỏ rơi con người.
8. Thật đúng khi nhà văn Elsa Triolet từng nói: “Nhà văn là người cho máu”, là người chấp nhận cái đau để viết lên tuyệt tác có nhiều giá trị cho đời.
9. Nhà văn Hemingway từng nói rằng: “Tất cả các tác phẩm nghệ thuật đều có sự bất tử của riêng nó. Bởi vì đó là sản phẩm bền vững của lao động và trí tuệ con người. Rồi mai này các tranh tượng có thể tiêu tan, đền đài có thể sụp đổ, chỉ có những tác phẩm nghệ thuật chân chính mới có khả năng vượt ra định luật băng hoại của thời gian để tồn tại vĩnh viễn”. Để tác phẩm nghệ thuật tồn tại vĩnh cữu tất cả chính là nhờ cái tâm tinh tế của nhà văn trước mọi thăng trầm của thời đại.
10. Tìm về văn, con người tìm về trái tim mình. Hiện thực khốc liệt đã khiến bao trái tim chai sạn, khiến cho bao người phải tự dựng lên “bức tường thép”. Ấy vậy khi đọc, thâm nhập vào tác phẩm văn học, nó đã tưới mát cho trái tim và tâm hồn già cỗi.  Văn chương đã tìm đến những nơi sâu kín nhất, thấy những “hạt ngọc ẩn giấu” (Nguyễn Minh Châu), làm tan chảy họ, “mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe” (Nguyễn Đình Thi).
11. James Baldwin từng nói: “Bạn nghĩ rằng nỗi đau và con tim tan vỡ của bạn là điều chưa từng có trong lịch sử thế giới, nhưng rồi bạn đã đọc”. Vậy tại sao ta không thử đắm mình vào văn chương, tin tưởng “sức mạnh” kì diệu của nó như nhà văn Nguyễn Ngọc Tư đã bắt đầu? Hãy để văn chương “kết nối” với chính mình và xa hơn nữa là “kết nối” với vạn người, vạn vật.
12. “Văn chương nằm ngoài mọi định luật băng hoại của thời gian, chỉ mình nó là không thừa nhận cái chết”, không phải ngẫu nhiên mà Seđrin lại khẳng định như vậy. Bởi lẽ, hầu hết vạn vật trên cõi đời đều sinh ra, tồn tại rồi tan biến vào hư vô, nhưng văn chương lại giữ được sức sống mãnh liệt cho riêng mình, vẫn tồn tại sau bao thăng trầm, sau bao cuộc “bãi bể hóa nương dâu”. Điều gì làm nên sức sống đó? Điều gì làm cho văn chương luôn giữ được giá trị vững bền của mình trong dòng chảy xiết của thời gian? Có lẽ là nhờ vào sức mạnh kết nối của văn chương như cách nhà văn Nguyễn Ngọc Tư viết: “Tôi bắt đầu tin văn chương cũng có lửa, làm tan chảy những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên; văn chương cũng là băng, gắn kết những ốc đảo người thành một khối; văn chương cũng là nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ…”.
13. Như ngọn lửa hồng, văn chương sưởi ấm và làm tan chảy những bức tường thép đang khóa chặt trái tim của con người, giúp con người tháo bỏ những phần cao ngạo, cái tôi cố chấp, để sống nhẹ nhàng hơn, yêu thương nhiều hơn. Nói như Hoài Thanh: “Một người hằng ngày chỉ cặm cụi lo lắng vì mình, thế mà khi xem truyện hay ngâm thơ có thể vui, buồn, mừng, giận cùng những người ở đâu đâu, vì những chuyện ở đâu đâu, há chẳng phải là chứng cớ cho cái mãnh lực lạ lùng của văn chương hay sao?” Đúng thật, văn chương có một sức mạnh lạ kì, làm con người ta tháo bỏ những thành trì, giúp con người nhận ra những cảm xúc bấy lâu thường che giấu hoặc có thể là không thể ngờ đến. Khi tiếp cận văn chương, bằng một cách tự nhiên, con người mở rộng lòng mình hơn, đón lấy những cảm xúc dạt dào.
14. Trong bài thơ “Chẳng có ai tẻ nhạt trên đời”, tác giả Eptusenko viết rằng:

“Không có ai tẻ nhạt ở trên đời

Mỗi số phận đều mang một phần lịch sử

Mỗi số phận rất riêng, dù rất nhỏ

Chắc hành tinh nào đã sánh nổi đâu? ”

Mỗi số phận con người là một điều thiêng liêng và riêng biệt. Mỗi con người đều có cho mình một cá tính riêng, một hướng đi, một quan điểm, cho nên, để con người hiểu nhau, gắn kết với nhau là một điều vô cùng khó. Nhưng chính văn chương sẽ đảm nhiệm công việc khó khăn - “gắn kết ốc đảo người thành một khối” này. Con người có thể khó tìm được tiếng nói chung trong các lĩnh vực khác nhưng trong văn chương lại dễ dàng hơn cả. Bởi lẽ, văn chương có một sức mạnh kết nối mãnh liệt hàng triệu số phận nhờ vào giá trị nhân văn, những bài học sâu sắc trong tác phẩm. Chúng ta gắn kết lại với nhau bởi những điểm tương đồng trong suy nghĩ; thông qua văn chương, ta tìm được người cùng chung một mục đích, một quan niệm và lý tưởng; nói không chừng, là tìm được tri kỷ cho đời mình. Tìm được tri kỷ là việc vô cùng khó khăn, nhưng chính trong hành trình tìm hiểu nghệ thuật con người lại có được “tri âm nghìn năm mới có một lần” (Lưu Hiệp) cùng gắn kết, sẻ chia với bản thân.

1. Nghệ thuật chân chính không làm mọi điều thay con người mà hóa thân thành các yếu tố, ở bên khích lệ, động viên, hướng dẫn để con người tự khám phá, tự học hỏi được điều cần thiết cho bản thân. Văn chương sẽ là “lửa, làm tan chảy những bức tường thép mà mỗi người tự dựng lên”. Văn chương sẽ hóa thành “băng, gắn kết những ốc đảo người thành một khối”. Văn chương sẽ trở thành “nước, dịu dàng mà mãnh liệt vượt qua những rào cản của lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ…”. Mỗi khi con người cần, văn chương sẽ biến hóa thành muôn hình vạn trạng để nâng đỡ tâm hồn, khai mở cảm xúc, giúp con người gắn kết với nhau. Chừng nào con người còn tồn tại, chừng đó sức mạnh kết nối của văn chương sẽ không bị lãng quên, văn chương sẽ không ngơi nghỉ sứ mệnh của mình.
2. Văn chương không phải là cái loa phát thanh tư tưởng của người cầm bút, mà là nơi để họ trải lòng, “giãi bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà). Thấu hiểu những trăn trở của nhà văn, bạn đọc sẽ tự vỡ lẽ ra những vấn đề trong cuộc sống. Đó mới chính là quy luật hoạt động của văn chương - quy luật của tình cảm. Không chỉ kết nối với các cây bút, văn chương còn hướng người đọc đến một mối liên kết bền chặt và ý nghĩa hơn: kết nối giữa người với người. Các tác phẩm len lỏi vào trái tim, thắp cho ta ngọn lửa để nhìn thấy nhiều mảnh đời cơ cực, tạo cho ta một tình cảm chân thành để yêu thương và bao dung, khao khát muốn sống cùng người khác và vì người khác. Qua đó, người đọc sẽ được chữa lành và gắn kết tâm hồn.
3. Từ hiểu đời, hiểu người, văn chương cho ta một thoáng đi sâu vào tâm hồn mình, bằng việc soi chiếu bản thân mình với các hình tượng. Văn chương không cập nhật tin tức một cách nhanh chóng như thời sự, không sống động như bản Sonate Ánh Trăng của Beethoven hay bức họa “nàng Mona Lisa” của Leonardo Da Vinci; nó cho ta trải nghiệm cuộc sống ở “những tầng mức và chiều sâu đáng kinh ngạc” (Thanh Thảo). Văn chương giúp ta hiểu giá trị của bản thân mình, từ đó tự cởi giải cho những thương tổn của bản thân. Văn chương giúp ta sống một cuộc đời sâu sắc, từ đó nhận ra những nỗi đau đang vang vọng để thấu cảm và sẻ chia. Mặt khác, sáng tạo nghệ thuật cũng là cách nhà văn kết nối với chính họ. “Thi sĩ như con chim sơn ca ngồi trong bóng tối cất lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình” (B.Shelly). Người nghệ sĩ cầm bút, ấy là lúc anh ta đối diện với bản thân mình để lắng nghe, và rồi chữa lành cho mình và nhân loại. Như vậy, văn chương không chỉ là chuyện đời, chuyện muôn người mà còn là chuyện của chính nhà văn và mỗi bạn đọc. Có thế, ta mới lắng nghe được tiếng nói từ suy nghĩ và trái tim mình.
4. Sức mạnh của văn chương cũng đồng thời đặt ra yêu cầu cho những vị khách văn chương. Bước vào nghề “phu chữ”, nhà văn phải mở rộng biên độ tâm hồn mình để lắng nghe cuộc đời, trải nhiều số phận khác nhau để thấu hiểu mọi nỗi đau đời. Từ đó, anh ta chọn lọc nguyên liệu, “cân nghìn miligam quặng chữ” để viết nên trang văn. Còn độc giả, để có thể bước vào những cuộc đối thoại, ta phải đọc tác phẩm bằng cả tấm lòng của mình, phải trau dồi năng lực cảm thụ văn chương để hiểu hết cái tâm, cái tài của người cầm bút. Có thế, tác phẩm mới trở thành những buổi đàm thoại của tâm hồn, để từ đó tìm thấy sự kết nối và sẻ chia.
5. “Rồi nhân dân sẽ còn trìu mến tôi mãi mãi vì tôi đã dùng thơ để đánh thức những tình cảm tốt lành, vì trong thế kỷ tàn khốc của chúng ta, tôi ca ngợi tự do và lòng thương những kẻ khốn cùng” (Puskin). Văn chương sẽ mãi giữ được sức mạnh kết nối, cũng bởi người nghệ sĩ đã hy sinh hồn mình để viết nên trang văn.
6. Một điểm tựa có thể nhấc bổng cả trái đất, một nguyên tử có thể thay đổi sự sống của sinh vật,... Những thứ nhỏ bé lại có thể huyền diệu đến vậy!  Thế còn con chữ trên trang giấy, dù nó nhỏ bé và quen thuộc nhưng có vô vị như ta vẫn tưởng ? Không có thứ nào vô vị chỉ là ta chưa đặt nó vào đúng chỗ. Thật vậy, ngôn từ  tưởng chừng như đã nhàm chán, sử dụng cùng kiệt hàng ngày ấy vậy mà vẫn có thể trở thành những đài từ lấp lánh, nói như Pautopxki: “Những chữ xơ xác nhất mà chúng ta nói đến cạn cùng, mất sạch tính chất hình tượng đối với chúng ta, những chữ ấy trong thơ lại lấp lánh, lại kêu giòn và tỏa hương”.
7. Và nếu hội họa được cấu thành từ những đường nét, màu sắc, âm nhạc được cấu thành từ các nốt trầm bổng thì “thơ ca là nghệ thuật lấy ngôn ngữ làm cứu cánh”(Jacobson). Mỗi chữ đều phải “đắt” nhất, thoát khỏi lớp vỏ vô vị, tìm thấy được những vẻ đẹp, ý nghĩa sâu sắc trong nó. Không phải ngẫu nhiên mà nhà thơ Lê Đạt gọi các nhà thơ là ‘phu chữ”, họ phải dồi dào ý tứ, ưu việt trong chọn lời, với mỗi chữ “hình thức bên trong và bên ngoài của chúng không phải là các dấu hiệu vô hồn của hiện thực mà còn có trọng lượng riêng và giá trị riêng”(Jacobson) có thế nó mới thực sự được tỏa sáng “lấp lánh”.
8. Mỗi chữ trong thơ phải tinh, phải là sự “nén chặt năng lượng”(Ji-khô-nôp) để rồi “nổ ra như tiếng sét”(Chế Lan Viên). Có thế, ngôn từ mới thật sự “lấp lánh”, “kêu giòn” và “tỏa hương”.
9. “Nhà thơ có thể nghĩ tới việc cấy chữ như nhà khoa học cấy gen trong công nghệ sinh học”(Lê Đạt). Thơ phải mới, phải lạ nếu không bài thơ như cái xác chữ không hồn, yểu mệnh mà thôi. Đồng thời với mỗi độc giả khi đọc thơ cần thả hồn theo mạch cảm xúc nương theo bề sâu ngôn từ bởi ngôn từ thơ không phải ngôn từ tuyến tính mà là ngôn từ phức hợp, đôi khi cùng một từ có thể diễn đạt nhiều hình ảnh, ý nghĩa, tạo nhiều cách hiểu. Khi có sự hòa hợp đó con chữ mới thực sự được sống một cuộc đời mới, thơ ca mới phát huy hết giá trị của mình.
10. “Thơ là phong cảnh, là linh hồn, cũng là vận mệnh của mỗi thời đại, thơ như ngọn gió hắt hiu trên mái, như khói bảng lảng từ lò hương, là năm tháng tình nồng, cũng là thời gian thanh mát”(Bạch Lan Mai), mỗi con chữ được “lạ hóa” thoát khỏi kiếp “xơ xác”, mỗi con chữ được “lấp lánh”, “tỏa hương”, “kêu giòn” bay lên ấy là lúc một tâm hồn yêu thơ, yêu tiếng Việt được chắp cánh.
11. Cuộc đời con người là hành trình tìm kiếm cái đẹp, cái đẹp trở thành đích đến trên đường đời, ta vì cái đẹp mà tồn tại. “Cái đẹp là thứ duy nhất mà thời gian không thể làm tổn hại” (Oscar Wilde). Không nằm ngoài lẽ đó, văn chương là lĩnh vực của cái đẹp. Tự thân văn học đã là hoạt động sáng tạo tuân thủ theo quy luật cái đẹp. Nhà phê bình Nga Belinsky khẳng định “Cái đẹp là điều kiện không thể thiếu được của nghệ thuật, nếu thiếu cái đẹp thì không có và không thể có nghệ thuật”. Cùng bàn về đối tượng văn học phản ánh, nhà văn Nguyễn Khải cho rằng: “Văn chương có quyền nhưng không chỉ miêu tả cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát. Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái tốt đẹp, cái thuỷ chung”. Nguyễn Khải khẳng định văn chương không chỉ viết về cái xấu, cái ác, mà điều sống mãi trong lòng người đọc vẫn là cái đẹp, cái thiện. Dẫu văn chương có phản ánh cái ác thì cái đẹp luôn là yếu tố thu hút bạn đọc đến với văn chương.
12. Nguyễn Khải thừa nhận văn chương hoàn toàn “có quyền” được viết về “cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát”. Văn chương được phép phản ánh những điều bất nhân, giả dối, hèn hạ bởi bản chất cuộc sống và con người là bất toàn. Không thể nói nhà văn viết về cái xấu, cái chưa đẹp là “bôi xấu”, “tô đen” vì hiện thực còn nhiều điều “xấu xa, ghê tởm”. Nhưng không vì thế mà văn chương toàn những trang viết về cái xấu, cái ác, “cái đẹp là cuộc sống” (Secnusepxki) chứ không ở đâu xa. Hơn hết, Nguyễn Khải muốn khẳng định yếu tố làm nên sức hấp dẫn của văn chương chính là “cái cao thượng, cái tốt đẹp, cái thuỷ chung”. Người ta tìm đến văn chương để khám phá những điều tốt đẹp. Văn chương lôi cuốn người đọc bởi những điều cao cả, đẹp đẽ, bền bỉ với thời gian.
13. Đúng như Tố Hữu từng nói: “Văn học thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học”. Đặc trưng của văn học cũng như các bộ môn nghệ thuật khác là phản ánh hiện thực. Văn học tái hiện cuộc đời trên trang viết, nhưng cuộc sống đâu chỉ có những bông hoa mà còn có cả những hàng rào dây thép, xung quanh ta đâu chỉ tồn tại cái lương thiện, tốt đẹp mà còn có cả đau đớn, xấu xa. Vì thế mà Nguyễn Khải khẳng định văn chương không từ chối hay né tránh “cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát”. Văn chương không thể không miêu tả khi cái xấu, cái ác vẫn hiện hữu trong cuộc sống con người. Tác phẩm phải mang hơi thở cuộc đời với bao thật giả, trắng đen còn trộn lẫn, cả niềm vui, hạnh phúc và cả nỗi buồn, sự đắng cay. Cái tốt và cái xấu đan xen, cái được và cái mất tồn tại cạnh nhau, gắn chặt với nhau, vì vậy nếu chỉ nói cái tốt là chỉ mới nói một phần sự thật. Văn chương chân chính phải phản ánh được trọn vẹn, sâu sắc đời sống, kể cả màu tối lẫn mảng sáng. Sự tức giận khi chứng kiến lòng tự trọng, công lí, tình yêu và cái đẹp bị xúc phạm nhiều khi thúc đẩy người ta cầm bút không kém gì cảm hứng về chính nghĩa và cái đẹp. Vậy, văn chương hoàn toàn “có quyền miêu tả cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát” bởi cái xấu cũng là một phần hiện thực.
14. Nhưng “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả” (Belinsky). Văn chương sẽ “chết yểu” nếu phản ánh chỉ đơn thuần để phản ánh mà thôi. Giữa cuộc sống thiện ác lẫn lộn, tốt xấu giao tranh, nhiệm vụ của văn học là miêu tả cái xấu để người ta nhận diện từ đó mạnh mẽ chống lại nó. Văn học miêu tả cái xấu để thể hiện khát vọng hướng tâm hồn con người về cái đẹp, cái thiện của nhà văn. Muốn “ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người”, trước tiên văn học cần giúp con người nhận thức cái xấu trước đã. Vốn dĩ cái đẹp thì mong manh, dễ vỡ, lòng tốt thì vụng dại, ngây thơ, còn cái ác lại thì dạn dĩ, nham hiểm, cái đểu cáng thì liều lĩnh, xảo quyệt. Không những thế, sức tàn phá của cái xấu lại lớn hơn gấp trăm lần sức mạnh của cái đẹp. Nhà văn nói thật, nói sâu về cái xấu, cái ác bởi bằng cách đó văn chương hỗ trợ cho cuộc đấu tranh không cân sức giữa thiện và ác muôn đời.  Văn học “được quyền miêu tả cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát” để giúp con người nhận thức và ngăn chặn cái xấu, cái ác. Khi cảm nhận cái xấu, con người nên cao hơn cả cái xấu và hướng tới cái tốt, cái đẹp. Nghệ thuật phán xét cái xấu một cách đúng đắn chính là “bông hoa của văn minh, rau quả của tinh thần xã hội phát triển” (Belinsky). Tiếp xúc với cái xấu trong nghệ thuật, con người trở nên từng trải hơn, hiểu sâu sắc hơn về cái xấu cũng như tập đối mặt với sức mạnh của cái ác. Vậy là bằng cách phản ánh “cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát”, văn chương đã thực hiện nhiệm vụ “nâng cao tinh thần ta lên” (Napoluye)
15. Bên cạnh thỏa mãn nhu cầu về cái đẹp, văn học cũng là nơi bồi dưỡng cảm xúc, thẩm mĩ của con người, nó giúp người đọc có thị hiếu thẩm mĩ lành mạnh, tinh tế. “Tác phẩm văn học lớn hấp dẫn người ta bởi cách nhìn nhận mới, tình cảm mới về những điều, những việc mà ai cũng biết cả rồi” (Nguyễn Đình Thi) nên mỗi nhà văn chân chính bao giờ cũng mang đến cho văn học một “cách nhìn nhận mới, tình cảm mới” của vẻ đẹp của đời sống. Cho nên, văn học bồi đắp kinh nghiệm thẩm mỹ chúng ta thêm sâu sắc, phong phú. Kinh nghiệm ấy giúp con người không chỉ biết nhận ra cái hay, cái đẹp trong tác phẩm mà còn biết tự khám phá ra cái đẹp của thế giới, đời sống tâm hồn độc giả thêm giàu có. Văn chương là nơi nuôi dưỡng những cảm xúc đẹp của con người, khơi dậy và tiếp sức cho những rung động về cái đẹp. Chính cái đẹp tiếp lửa cho sức mạnh tâm hồn con người luôn nhạy cảm, mới mẻ với vẻ đẹp muôn màu muôn vẻ của đời sống. Vì vậy mà trái tim con người không thể dửng dưng, thờ ơ, nguội lạnh với số phận con người. Bằng cách khiến người đọc rung động trước cái đẹp, văn học làm lòng người phong phú hơn, đó cũng là lí do vì sao Dostoevsky khẳng định: “Cái đẹp sẽ cứu rỗi thế giới”.
16. Để “cái cao thượng, cái tốt đẹp, cái thuỷ chung” có thể trở thành “thanh nam châm thu hút mọi thế hệ”, nhà văn phải “lấy ngôn ngữ làm cứu cánh” (Jakobson). Cái đẹp, cái thiện có bừng sáng đến đâu mà chỉ truyền tải bằng những con chữ cứng đơ trên trang giấy, liệu cái đẹp, cái thiện có thắp lên lửa trong lòng người đọc ? Chế Lan Viên từng viết: “Đi tìm cái thiện, cái chân nhưng phải biểu hiện ra bằng hình thức đẹp”. Điều độc giả bao đời tìm kiếm trong văn chương đâu chỉ là cái đẹp nội dung mà còn là cái đẹp về hình thức, vẻ đẹp lấp lánh của ngôn từ. Bên cạnh đó, cái đẹp trong nghệ thuật mang tính hoàn thiện: “Ðến như văn thơ, thì lại là sắc đẹp ngoài cả sắc đẹp, vị ngon ngoài cả vị ngon, không thể dùng mắt tầm thường mà xem, miệng tầm thường mà nếm được” (Hoàng Đức Lương). Điều này thúc đẩy người đọc phải có tri thức và tâm hồn sâu sắc, nhạy cảm trước cái đẹp. Có thế cái đẹp mới chạm đến phần sâu nhất của tấm lòng người đọc.
17. Nguyên Ngọc từng viết: “Đã là văn chương thì phải đẹp, đẹp là chức năng hàng đầu, là đạo đức của văn chương”. Nhận định khẳng định một trong những yếu tố hàng đầu của văn chương là cái đẹp. Đồng nghĩa với việc “Văn chương có quyền nhưng không chỉ miêu tả cái xấu xa, cái ghê tởm, cái hèn nhát. Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái tốt đẹp, cái thuỷ chung” (Nguyễn Khải). Với tôi, viết về cái đẹp hay cái xấu, miêu tả cái thiện hay cái ác, suy cho cùng mục đích của văn chương vẫn là làm sao cho cuộc sống con người tốt đẹp hơn, hướng con người đến bến bờ chân - thiện - mỹ. Viết về cái đẹp để tôn vinh chúng, hay viết về cái xấu để ca ngợi cái đẹp đều cùng một đích đến, chính là “làm cho người gần người hơn" (Nam Cao)
18. Nhìn chung, cái thiện hay cái ác, cái cao cả hay cái thấp hèn đều là những phạm trù mỹ học mà tác phẩm văn chương nào cũng cần phải có. Vì thế, người nghệ sĩ dù lên án cái xấu hay ca tụng cái đẹp vẫn phải phản ánh nó với tất cả cái tâm, cái tài của mình. Hay nói như nhà văn Nguyễn Minh Châu: “Dù anh viết ngược viết xuôi thế nào, dù cho rằng anh viết về sự giận dữ, về lòng căm thù, về nỗi đau chán chường thì rốt cuộc vẫn để truyền thổi vào tâm hồn người đọc một niềm tin, một tình yêu bát ngát vào cuộc sống". Vì thế, tác giả ơi, anh có quyền chọn một con đường, một lối đi riêng cho hành trình sáng tác của mình, nhưng anh hãy nhớ rằng, đích đến cuối cùng vẫn là hướng bạn đọc đến những giá trị chân-thiện-mỹ, bởi lẽ, “thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái tốt đẹp, cái thủy chung” (Nguyễn Khải)
19. Tác phẩm văn học sẽ không vượt qua khoảng cách về không gian, độ dài của thời gian để tồn tại muôn đời nếu như nó chỉ đứng một chỗ dưới góc nhìn của nhà thơ. Người đọc trong vai trò tiếp nhận cũng chính là vai trò đồng sáng tạo, đưa thơ ca đến với nhiều góc nhìn khác nhau, đôi khi khám phá ra những điều mà chính “cha đẻ” của nó chưa kịp thấu. Khi người đọc có cái nhìn chân thật nhất về tác phẩm ấy là khi bản năng hướng thiện của họ trỗi dậy, họ sẽ tìm đường đến với những điều tốt đẹp, nhân văn của cuộc đời, tức là thay đổi bản thân tốt hơn, lấy chất thơ, sự mềm mại của câu thơ để xoa dịu đi những gai góc nơi tâm hồn. Không những vậy họ sẽ biết cảm thông cho số phận của những mảnh đời bất hạnh, biết trân quý tình yêu, hạnh phúc mà bản thân có được và hơn hết là ***phủ hồng cho cuộc sống đầy mảng tối***. Trên con đường hướng tới vùng trời tốt đẹp, đầy nhân tính kia, những người đồng sáng tạo không chỉ giúp bản thân họ tốt hơn, thiện hơn mà còn thay đổi con người xung quanh họ từ đó mà thay đổi một xã hội nhân văn hơn.
20. Lorca yêu quý, người từng nói: “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”…Nhưng thanh âm ấy chưa bao giờ lặng im, tiếng đàn vẫn mãi ngân nga trong con người Tây Ban Nha mỗi bình minh đến. Bởi nghệ thuật không phải sinh ra để chờ đợi ngày hòa tan vào cát bụi. Nghệ thuật là một điều kỳ lạ mà giáo sư Huỳnh Như Phương nghĩ suy: “Mỗi lần đọc là một lần khám phá ra thế giới nghệ thuật ở chiều sâu như nguồn nước không ngừng tuôn trào của nó. Đó thực chất là một cuộc đối thoại giữa lịch sử và hiện tại, giữa thế hệ hôm qua và hôm nay, giữa nền văn hóa này với một nền văn hóa khác”. Tiếng ghi-ta của Lorca sống mãi, có lẽ vì nó đọng lại trong lòng người, cuộc đối thoại muôn đời.
21. Khi cuộc sống dần lặng im bởi tình người lạnh lẽo, những tác phẩm văn học vẫn nhịp nhàng thoi đưa thứ thanh âm, không cầu kỳ như khúc nhạc đêm vũ hội, mà say mê bởi chất đời của tiếng nói đối thoại. Huỳnh Như Phương với bao lần trầm mình vào trang văn hiểu rằng: thưởng thức tác phẩm là tìm đến cái mạch nguồn sâu thẳm, nơi dòng suối của những tư tưởng, cảm xúc ồ ạt tuôn trào. Song giáo sư đã gọi tên, khái quát hóa chiều sâu ấy không gì khác chính là bản chất của những cuộc đối thoại. Đó là cuộc đối thoại văn chương mang tính rộng mở, kết nối giữa “lịch sử và hiện tại”, giữa “thế hệ hôm qua và hôm nay”, giữa “nền văn hóa này với một nền văn hóa khác”. Suy cho cùng, Huỳnh Như Phương đã chỉ ra điều quan trọng, vừa là bản chất của văn học, vừa là yêu cầu cho quá trình sáng tác và tiếp nhận: hãy để mỗi tác phẩm là tiếng nói cất lên giữa người với người, vượt qua mọi lằn ranh của thời gian.
22. Đứng trước một quãng trời xanh, người ta khó tránh khỏi niềm xao động bồi hồi, trước một tác phẩm hay, người ta khó tránh khỏi mong muốn buông lời yêu thương. Sự đối thoại âu là điều tất yếu trong văn chương, nó cho thấy độc giả đã trải qua những gì và khao khát điều gì khi khép lại tác phẩm. Những giọt nước mắt hãy còn nóng hổi, khi dư âm còn vương tơ nơi trái tim, người đọc khát khao đối thoại như muốn khắc vào cái trụ trời vĩnh cửu của Tạo hóa, lời tri âm đến người cầm bút. Nhưng cái lay chuyển vô thanh ấy nơi tâm hồn không đơn thuần mà có được, người đọc không thể chỉ ngửi lấy hương thơm phảng phất trong con chữ rồi quay đi. Vì thứ rượu tuyệt hảo đang chờ đợi người đến thưởng thức ở phía sau trang giấy, nơi vô hình trên bề mặt mà dạt dào chứa đọng ở bề sâu. “Mỗi tác phẩm là một tiếng gọi” (Sartre) chân thành, nồng nhiệt như tiếng gọi của người bạn hiền, thôi thúc những kẻ ghé thăm đặt chân mình vào cái thế giới lặng lẽ, giữa những khoảng trắng ngôn từ.
23. Một nhà thơ đã tâm tình về sức sống của thi ca “Thời gian hủy hoại các lâu đài, nhưng lại làm giàu những vần thơ”. Vượt qua muôn ngọn trùng khơi, từ lịch sử cho đến hiện tại, mãnh liệt và xúc động là những điều vẫn vẹn tròn trong văn chương, trong mỗi con chữ vần thơ.
24. Bước qua chiếc cầu văn chương bắc ngang, con người như được ngược về những miền đất của hồi ức, để ngắm nhìn những trang lịch sử thiêng liêng hiện ra trước mắt. Tìm về những bài thơ được khắc trên các vách đá cổ, ta như được tìm thấy giây phút khi trái tim loài người biết rung động trước cõi đời quanh mình. Cho đến hôm nay, khi nhìn lại những chặng đường theo dòng lịch sử của văn học, xuất phát từ những câu ca dao làm quyến luyến lòng người bởi chất men đời, những áng thơ trung đại đậm sắc dân tộc, sự ra đời của các trào lưu như thơ mới và nền văn học kháng chiến vĩ đại, có lẽ đã trở thành cái khơi nguồn cho những cuộc đối thoại đầy hoài niệm trong thực tại. Tính quảng đại của văn học cho phép con người tìm thấy bóng hình đồng điệu của mình trong tất cả những chặng đường ấy, vì lẽ những vấn đề nhân sinh của con người không phải mới xuất hiện gần đây, mà đã tồn tại từ rất lâu trước đó. Đối thoại cùng những tuyệt tác “vang bóng một thời”, mỗi người có dịp chiêm nghiệm sâu sắc về ý nghĩa cuộc sống từ nhiều góc độ, hóa thân vào những số phận đã góp mình vào dòng chảy mênh mông mà như Eptusenko viết: “Mỗi số phận chứa một phần lịch sử”. Nếu ngược về quá khứ mang đến cho ta những trải nghiệm thẩm mỹ đầy cổ điển thì từ nơi bắt đầu của lịch sử, không ít những tác phẩm đã dội đến thế giới hiện đại những tư tưởng đi trước thời gian, những tầm nhìn đã mở ra viễn cảnh của tương lai từ xa xưa. “Thời gian qua kẽ tay/Làm khô những chiếc lá” (Văn Cao), nếu thời gian cuộc đời làm phôi pha vạn vật trong quy luật quá khứ – hiện tại – tương lai, những cuộc đối thoại văn chương khiến cho thời gian ấy như co dãn một cách nhịp nhàng, để lịch sử và hiện tại hòa trộn vào nhau, se duyên gắn kết cho muôn kẻ tri âm, tri kỷ.
25. Cái chết của Lorca có thể làm cuộc đời mất đi một người nghệ sĩ, nhưng không thể khiến vũ trụ nghệ thuật mất đi một tiếng đàn. Cũng như những giai điệu của Beethoven hay Mozart, cái chết không thể đóng băng âm thanh của phiếm đàn khi loài người vẫn còn khao khát được đối thoại cùng nó nơi tâm hồn. Bởi đó là những tác phẩm nghệ thuật chân chính, là những uranium còn sót lại qua tấm màng lọc khắc nghiệt của thời gian. Có được những cuộc đối thoại vượt lên trên sự hữu hạn của đời người, tác phẩm ấy cần chứa đựng những giá trị mà dù tồn tại trong thời đại nào, dù rơi vào tay ai vẫn vẹn nguyên những ý nghĩa của nó. Đó là một tác phẩm dạy con người ta “nhìn bằng con mắt thật” (Lưu Quang Vũ), giúp người đọc đứng từ thời đại này mà trải qua cuộc đời ở thời đại kia. Chỉ có cuộc sống mới có thể đối thoại cùng cuộc sống, sự phản ánh càng cặn kẽ bao nhiêu sẽ càng nhận về sự phản hồi từ những xúc cảm chân thực bấy nhiêu. Lenin bày tỏ cảm nhận về những tác phẩm của LevTolstoy đã ảnh hưởng lớn lao đến thời đại của ông cũng như phong trào của giai cấp vô sản trên thế giới, vì sáng tác của văn hào không gì hơn chính là “tấm gương phản chiếu cách mạng Nga” sinh động nhất. Và anh càng không thể đòi hỏi độc giả mai sau sẽ cùng anh đối thoại nơi trang giấy nếu tác phẩm chỉ là cái tình cảm vỡ vạc từ mảnh đất khô cằn mà không làm sáng bừng lên một tư tưởng, ý niệm nhân sinh nào đó.
26. Thơ thâm nhập vào đời sống nhân dân và tồn tại như một nét đẹp văn hoá không thể thiếu. Thơ là tri kỉ của con người, con người cũng chính là tri kỉ của thơ. Mỗi vần thơ đều phản ánh chân thực đời sống mà người tri kỉ của mình đã trải qua. Bạn đọc tìm đến thơ như là tìm cho mình một điểm tựa tinh thần, hay chính là tìm một lối thoát khỏi guồng quay của những tham vọng, của những hỉ-nộ-ái-ố tồn tại trong đời. Hướng đi trong trang sách được sinh ra từ những trăn trở của thi nhân, của những người đã sống hết mình với đời sống, đã chiêm nghiệm bao vẻ đẹp của cuộc đời. Thi nhân, với vai trò đi tìm "hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tầm hồn con người" (cách dùng của Nguyễn Minh Châu), anh am hiểu hơn ai hết về quá trình tiếp nhận. Bởi vì sao? Vì nếu anh không lấy hồn anh để hiểu hồn người thì làm sao tác phẩm của anh có thể rung động trái tim người đọc? Thế nên bằng tài năng thiên phú cùng một trái tim yêu người, yêu nghề người cầm bút đã khái quát hoá câu chuyện của cá nhân, của những chiêm nghiệm đã đúc kết rồi nhào nặn những nguyên liệu ấy trở thành câu chuyện kể với muôn người. Chính sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại ấy đã chắp cánh cho những câu thơ vượt lên trên sự băng hoại của thời gian.
27. ***Hình thức vốn chỉ là bề nổi nhưng hình thức không trau chuốt thì cũng chẳng khiến người ta muốn tìm hiểu bề sâu.***
28. "Thơ ca, nếu không có người tôi đã mồ côi" ( Raxun Gamzatop). Thơ trở thành một nhân vật không thể thiếu trong cuộc đời của thi nhân và của cả nhân loại. Thơ là liều thuốc tinh thần chữa lành những vết thương trong tâm hồn, song không chỉ riêng thơ có khả năng làm điều đó mà phải kể đến mọi thể loại của văn học nói chung. Vì văn học đến với đời sống để trở thành " thứ vũ khí thanh cao và đắc lực" của con người, thay đổi con người. Và thơ là một trong những " thứ vũ khí" ấy. Thế nên ta không chỉ trân trọng những vần thơ mà phải trân trọng những thể loại khác, tiếp cận nhiều khía cạnh khác nhau của văn học để bản thân có thể trau dồi vốn hiểu biết.
29. *“Văn học chính là sự giao thoa giữa cái đang có, cái có thể có và cái nên có” (trích ý Hide Domin), cho dù nhà văn có khát khao cái hoàn hảo, lý tưởng thì chính những điều hoàn hảo, lý tưởng ấy phải thoát thai từ những cái bất toàn của hiện tại*. Nhà văn gửi gắm khát vọng ấy vào tác phẩm, và hy vọng những ý tưởng của mình đủ sức mạnh tác động để biến khát vọng, lý tưởng ấy thành hiện thực.
30. Văn chương, thơ ca mang trong mình một thiên chức cao cả là "nâng cuộc sống lên", là hướng con người đến bờ cõi chân - thiện - mỹ cao đẹp. Thơ ca giống như "đôi cánh" nâng ta bay đến với những chân trời mới mẻ, cho ta giao hòa với những triết lý nhân sinh, tâm niệm sâu sắc, giống như "vũ khí trong trận đánh" tiếp sức cho ta trong cuộc giằng co thiện - ác. Để thực hiện được những thiên chức lớn lao, cao cả đó, mỗi tác phẩm thơ ca phải đáp ứng rất nhiều yêu cầu, mà trước hết là phải bắt nguồn từ thực tại. Bởi thế, Nguyễn Văn Thạc đã tâm niệm rằng: "Hãy bắt đầu từ cuộc sống, từ đó sẽ nảy ra thơ".
31. Mỗi nhà thơ, hãy tạo nên những tác phẩm thi ca dành cho đời bằng cả trái tim và khối óc, cả cái tâm và cái tài. Để "nảy ra thơ", người nghệ sĩ phải sống sâu với đời, ngụp lặn, thâm nhập cuộc sống, góp nhặt những tinh túy của cuộc đời. Bởi: "vạt áo nhà thơ không bọc hết chữ vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang" (Chế Lan Viên). Họ cũng cần phải có thứ "vân tay nghệ thuật riêng biệt", phải biết nhào nặn, "thai nghén" những chất liệu mượn ở thực tại, phải sáng tạo, nhìn đời với con mắt "xanh non biếc rờn". Và hơn hết, mỗi thi nhân cần cầm bút với cái tâm, trách nhiệm với con người, với cuộc đời để thơ ca làm tròn thiên chức "nâng cuộc sống lên", để thi nhân trở thành "kỹ sư tâm hồn" "cứu rỗi thế giới". Bên cạnh đó, người đọc cũng cần phải trau dồi vốn sống để thấu hiểu thời đại, cuộc sống mà mỗi tác phẩm thi ca phản ảnh, để có khả năng giải mã, tiếp nhận chiều sâu tác phẩm, đọc, suy ngẫm và thực hiện một cách thấu đáo. "Bạn ơi, hãy suy nghĩ bằng trái tim và hãy đọc bằng lý trí" (La Fontaine)
32. Văn chương tồn tại để thực thi sứ mệnh giúp nhân loại nhìn thấy được những "rạng đông sáng ngời" ẩn giấu nơi ngõ ngách nào đó của cõi trần. Âm điệu của văn chương chính là hợp xướng của dàn đồng ca nhiệm màu về tình yêu thương chạm khẽ đến ngưỡng rung động vĩnh hằng, là tiếng hát ngân vang của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn, nơi người nghệ sĩ gửi gắm những bồi hồi, xao xuyến của một linh hồn đa cảm trước cuộc đời. Như Nguyên Ngọc từng quan niệm “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. Những thiên chức văn chương mang trong mình quả thật cao cả, và để thực hiện được những thiên chức ấy, mỗi một tác phẩm văn chương cần rất nhiều yếu tố, mà cách riêng đối với các tác phẩm truyện chính là "chi tiết" được khéo léo xây dựng trong tác phẩm. Bởi thế, Nguyên Ngọc đã từng nhận định rằng: "Truyện có thể có cốt truyện, có thể không có cốt truyện, nhưng không thể nghèo chi tiết. Nếu thế truyện sẽ như nước lã."
33. "Nếu tình huống truyện tạo ra bước ngoặt của tác phẩm thì chi tiết nghệ thuật lại là cái bánh lái bẻ nên đường cua tuyệt diệu ấy." (Lêonit Leonov). Vâng, phải nói rằng, vấn đề xây dựng chi tiết là vấn đề chi tử cốt tử, vấn đề sống còn của tác phẩm. Trong truyện, mỗi chi tiết từ lớn đến nhỏ đều có một vai trò riêng, đặc biệt là trong truyện ngắn (- như một lát cắt của cuộc sống). Có những chi tiết vô cùng quan trọng, chi tiết thắt nút gây cấn, chi tiết mở nút khéo léo…bộc lộ hết thảy chiều sâu tư tưởng, hàm ý sâu xa, thông điệp ý nghĩa nhà văn muốn gửi gắm… Đó là những "chi tiết lớn".
34. Vâng, "chi tiết là linh hồn của tác phẩm". Nếu ví tác phẩm truyện như một bông hoa hồng thì mỗi chi tiết lớn là những cánh hoa tươi thắm, mỗi chi tiết nhỏ là những nhụy hoa điểm xuyết để bông hồng thêm đẹp để, kiêu sa, thơm ngát.
35. "Người làm xiếc đi dây rất khó

Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn"

("Lời mẹ dặn" - Phùng Quán)

Mỗi văn nhân hãy viết nên những tác phẩm truyện bằng chính cái tâm và cái tài, khối óc và cả trái tim, để tác phẩm kết tinh những chi tiết đặc sắc, dù lớn, dù nhỏ vẫn dư ba tư tưởng, thông điệp sâu xa, để các tác phẩm truyện ấy không phải là "nước lã" nhạt nhẽo, vô vị. Bên cạnh đó, người nghệ sĩ cần sống sâu với đời, thâm nhập cuộc sống, góp nhặt tinh túy của cuộc đời, "nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang" (Chế Lan Viên). Họ cũng cần phải có "thứ vân tay nghệ thuật" riêng biệt, phải sáng tạo để tạo ra các chi tiết khéo léo, tài tình nhất, độc đáo nhất, và hãy nhìn đời với con mắt "xanh non biếc rờn" để thực hiện thiên chức của nhà văn, của văn chương.

1. Khi anh làm thơ nhất định không thể xa rời cái tôi bởi trước nhất cái tôi là hiện thân của cảm xúc cá thể. Nhà văn Jose Martin khẳng định:” Thiếu tình cảm chỉ có thể làm người thợ làm những câu thơ có vần, chứ không thể trở thành nhà thơ”, thơ chính là tiếng nói của cảm xúc. Nhưng thơ không bộc lộ những cảm xúc theo bản năng, trực tiếp mà đó là những cảm xúc được ý thức, được siêu thăng, lắng lọ qua cảm xúc thẩm mỹ, gắn liên với khoái cảm của sự tự ý thức. Và thơ bao giờ cũng là sự tự biểu hiện cái tôi tác giả của nó dù nhà thơ có nhận biết điều đó hay không. Bên cạnh đó, những người tìm đến thơ không chỉ để thưởng thức mà còn là để bày tỏ, gửi gắm tâm tư. “Thơ bắt đầu từ ngày con người tự biểu hiện lòng mình.” (nhà văn Hê – ghen), quá trình sáng tạo nghệ thuật là quá trình tự biểu hiện, sự hiện diện của nhà thơ giữa cuộc đời. Lẽ đó mà khi nhà thơ nguội lạnh, khép kín lòng mình thì tài năng nghệ thuật cũng chấm dứt. Qua đây ta càng thấy được tính đúng đắn của nhận định, làm thơ phải luôn có cái tôi - ở đây là dấu ấn tư tưởng tình cảm của người nghệ sĩ.
2. Nếu các ngành khoa học loại bỏ cái tôi trong nghiên cứu thì ngành nghệ thuật, trong đó có thơ ca lại lấy cái tôi là điểm tựa của sự sáng tạo. Cái tôi chính là nhịp đập của bài thơ, thơ anh sẽ chết nếu mất đi sự mới mẻ, nét riêng của người nghệ sĩ. Thi ca đòi hỏi sự mới lạ độc đáo bởi đó là một hoạt động của quá trình sáng tạo, không lặp lại người khác cũng như không lặp lại chính mình. Cũng vì điều đó mà thơ ca chỉ “dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có” (nhà văn Nam Cao). Bên cạnh đó một nhà thơ chân chính đều muốn ghi lại dấu ấn của mình và tác phẩm nghệ thuật cũng muốn sống mãi trong lòng người đọc. Mà người đọc lại không bị tác động bởi những gì rập khuôn, đơn điệu và càng không chấp nhận những điều quen nhàm, không mới mẻ. Đó cũng là quy luật đào thải khắc nghiệt của văn chương. Nói cách khác nếu anh không phát huy cái tôi sáng tạo trong thơ ca thì đó là sự tự diệt. Từ đó ta càng nhận ra tính đúng đắn và tầm quan trọng của cái tôi trong thơ, “Làm thơ không thể không có cái tôi.”.
3. Tuy vậy, trong quá trình sáng tạo và tiếp nhận thi ca, không nên chỉ độc tôn vai trò của “những câu thơ hay nhất trong bài thơ” mà quên đi các yếu tố khác. Bởi về bản chất, một bài thơ là một chỉnh thể thẩm mỹ, mọi thành tố từ nội dung đến hình thức, từ kết cấu bề nổi đến kết cấu bề sâu đều gắn bó hữu cơ với nhau. “Những câu thơ hay nhất” không thể tỏa sáng nếu thiếu đi những câu thơ trước đó làm bệ đỡ và những câu thơ sau đó để khắc sâu. Nếu tách ra khỏi chỉnh thể thẩm mỹ của bài thơ, “những câu thơ hay nhất” cũng sẽ không thể hiện hết được các tầng nghĩa sâu xa của nó, không thể đi vào tâm hồn người đọc.
4. Văn chương gắn liền với cuộc sống, và hơi thở cuộc sống tạo nên từ văn chương. Mỗi nhà văn như những chú ong chăm chỉ, ngày ngày trong vườn hoa cuộc đời, tìm kiếm những giọt mật ngọt cho sự sáng tạo của chính mình. Tuy nhiên, đời sống này luôn thay đổi, đòi hỏi người nghệ sĩ với tài năng, phải sử dụng khôn khéo “giọt mật” ấy để tránh tự ràng buộc chính mình với bất cứ đề tài nào. Raxum Gamzatốp cũng đã từng nói trong “Đaghextan của tôi” rằng:

“Đừng nói : Trao cho tôi đề tài

Hãy nói: Trao cho tôi đôi mắt”

1. Chẳng phủ nhận rằng, bên cạnh những tài năng vốn có, sự quan sát và cái nhìn qua “đôi mắt” đóng một vao trò quan trọng, giúp nhà văn có được những tác phẩm hay, để đời. Khả năng quan sát sẽ giúp nhà văn trước hết là nhìn thấy được ở cuộc sống vốn đã rất phong phú, đa dạng này những hiện tượng xã hội hay còn được biết đến là chất liệu hiện thực. Vì một tác phẩm chỉ có thể chạm đến độc giả khi nó được gắn liền với cuộc sống con người. Nếu một tác phẩm chỉ đang cố vẽ ra những tương lai xa mờ mà quên mất thực tại, sản phẩm nghệ thuật ấy dù có đẹp đến đauu cũng sẽ nhanh chóng bị đào thải . Vì thế, “đôi mắt” là yếu tố tất yếu trong quá trình sáng tác. Nhưng vị thế của sự quan sát không thế chỉ đơn thuần là “miêu tả cuộc sống chỉ đế miêu tả” mà nó còn phải giúp tác phẩm trở thành “tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan” hay thậm chí là “đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó” (Belinxky). Chính sự kỹ lưỡng, tinh tế trong cảm nhận sẽ giúp nhà văn phát hiện các ý nghĩa sâu xa, tiềm ẩn trong một sự vật hay hiện tượng. Qua đó, tác giả sẽ dễ dàng gửi gắm được vào đứa con tinh thần của mình những bài học quý giá và dễ dàng hơn trong việc mở khóa thế giới nội tâm con người – cốt lõi của văn chương. Nếu nhà văn là một thiên sứ thì chính “đôi mắt” sẽ là bộ cánh đưa họ đến muôn nơi, thực hiện sứ mệnh cao cả đó của mình. Không chỉ là tầm quan trọng, cách nhìn còn có mối quan hệ mật thiết với nhà văn, nhà thơ. Đôi mắt cùng các giác quan khác sẽ bổ trợ cho nhau, giúp người nghệ sĩ tích lũy vốn sống thêm đa dạng, vì “sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống của nhân dân” ( Nam Cao). Khi vốn sống hòa mình vào trong người nghệ sĩ, đó cũng là cơ sở quan trọng, bồi đắp trí tưởng tượng thêm phong phú, thú vị - yếu tố thu hút của một tác phẩm.
2. Sự quan sát là điểm khởi đầu của mọi nguồn cảm hứng bất tận và cũng là điểm tạo nên sự khác biệt giữa những người nghệ sĩ. Để có được những cảm nhận, suy nghĩ sau mỗi cái nhìn, đòi hỏi nhà văn phải dấn thân để có được những gì chân thật nhất, tự nhiên nhất. Hay đó còn là sự trau dồi về nhiều mặt: trau dồi tình cảm để nhà văn thêm phần nhạy cảm, tinh tế, trau dồi vốn sống để có thể hiểu nhiểu, hiểu rộng hay thậm chí là trình độ văn hóa để nhạy bén hơn trong việc tiếp cận đời sống. Bên cạnh nội dung, hình thức trong văn chương cũng đóng một vai trò quan trọng. Mỗi tác phẩm văn học cần có hình thức nghệ thuật độc đáo, phù hợp để làm nên hình hài, sắc vóc của văn chương. *Vì nếu chỉ có cái tâm là chưa đủ, một nhà văn lớn phải có cả cái tài. Cái tài sẽ giúp cái tâm thêm phần rực rõ qua ngôn từ, dễ hiểu hơn qua cấu trúc câu,…*Một tác phẩm dù tư tưởng có lớn đến đâu nhưng chẳng đủ sức hút cũng có nguy cơ bị đào thải. Chính cái tâm, cái tài khác nhau được bồi đắp theo cách riêng của từng nhà văn sẽ tạo nên phong cách riêng. Về phía bạn đọc, không chỉ đơn thuần là đọc và cảm nhận, mà còn cần phải hiện thực hóa thông điệp mà nhà văn gửi gắm, để không chỉ giúp cuộc sống nói chung mà kể cả đời sống riêng mình thêm tốt đẹp. Một tác phẩm chỉ có thể trường tồn khi có sự đồng hành của cả nhà văn và bạn đọc. Người đọc được đôi mắt của nhà văn soi đường, nhìn thấy những bài học, thông điệp trong từng trang sách để từ đó vận dụng vào cuộc sống, giúp hiện thực thêm tốt đẹp. Mỗi người nghệ sĩ hãy tận dụng đôi mắt của chính mình, chứ đừng dựa dẫm vào đề tài. Đôi mắt giúp nhà văn khai phóng, vượt ra khỏi những điều thông thường để ra đời các tác phẩm vĩ đại.
3. Sê-khốp từng nói: “Nhà văn là nhà nhân đạo trong cốt tủy.”. Qua hàng vạn năm tồn tại ở đời, văn học đã dần khẳng định được chỗ đứng của chính mình trong lòng đọc giả không chỉ bởi những giá trị sâu sắc mà nó đem lại, đồng thời đó còn là những câu hỏi đầy tính nhân văn khiến cho người đọc phải trăn trở khôn nguôi đến từ phía người viết. Phải chăng, cái mà văn học nói chung và độc giả nói riêng mong muốn ở người nghệ sĩ là góc nhìn của anh qua từng sự việc, hoàn cảnh từ hiện thực cuộc sống, từ những gì anh đã từng trải ở đời? Cho nên, khi bàn về thiên chức của nhà văn trong quá trình sáng tác, nhà văn người ý Chaudio Magrid cho rằng: “Văn học không quan tâm đến câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra và những câu hỏi này luôn rộng hơn bất kì câu trả lời cặn kẽ nào.”
4. Đặc trưng văn học phản ánh đa diện con người và đời sống, giúp con người “sống nhiều cuộc đời khác nhau thông qua mối tương giao tinh thần của nhân loại” (Huỳnh Như Phương). Văn chương không chỉ viết về những câu chuyện ở thực tại mà còn là quá khứ hoặc tương lai. Đó là câu chuyện nằm ngoài những gì “ở đây và bây giờ”. Đọc văn thơ, hóa thân vào nhiều nhân vật khác nhau, ta được trải nghiệm đa chiều kích. Văn học cho con người sống một cuộc đời khác, một thân phận khác mà có thể ta chưa bao giờ nghĩ mình sẽ trở thành. Từ đây, đọc tác phẩm văn học sẽ giúp con người khai mở tri thức, trải nghiệm nhiều hơn, tri nhận được nhiều điều mới mẻ, thú vị hơn bao giờ hết, phá vỡ được giới hạn sống của mình.
5. Nếu những trải nghiệm cuộc đời đòi hỏi con người phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt hoặc thậm chí là mạng sống mới có được thì văn chương cho ta hiểu được những điều đó bằng tâm hồn. Những hành động vượt qua “chướng ngại vật” của nhân vật sẽ cho ta bài học về cách thức vượt qua khó khăn trong đời sống. Từ đó, chúng ta có thêm kinh nghiệm quý báu cho cuộc hóa sinh muôn hình vạn trạng của chính mình.
6. ***Trong làn gió ru tình, loài hồng kia vẫn đung đưa mình, xao động, khoe sắc hương. Và giữa những câu văn bay bổng, đầy chất thơ của tâm hồn lãng mạn, phóng khoáng Paustopsky, ta nhận ra trong mình có mỹ cảm cao thượng về “bông hồng vàng” mà lão hót rác già Chamette đã dành tặng cho tình yêu bé nhỏ Suzanne. Vậy, thế gian mê đắm cái sinh động, chân thực của cành hồng trước hiên nhà hay cuồng say với những xúc động thẩm mỹ từ vẻ đẹp bất tử của hình tượng nghệ thuật được chưng cất nên từ hiện thực đời sống? Đó xác thực cũng là những trăn trở của thi sĩ Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng? và tác giả của bài luận “Làm thế nào để có tác phẩm tốt?” Khi Chế Lan Viên phát biểu: “Hãy biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn!” thì Lưu Trọng Lư cho rằng: “Sự sống phải được chắt lọc, phải được trau chuốt, phải được nâng lên, phải được “tập trung” cao độ, nó mới biến thành nghệ thuật, cũng như dâu xanh phải biến thành kén vàng, gạo trắng phải bốc thành men rượu. Sự thực phải được sáng tạo, phải nâng cao lên đôi cánh của tư tưởng để lại tác động vào lòng người còn sâu mạnh hơn cả sự sống.”***
7. Cuộc đời đa sự luôn tồn tại những nghịch lí, những phạm trù mâu thuẫn đối lập nhau. Như mặt biển phẳng lặng luôn ẩn giấu những đợt sóng ngầm, trong gặp gỡ đã có mầm biệt li, cuộc sống là những phức hợp của khổ đau, hạnh phúc, là những phút giây hân hoan, vui sướng và cũng là những giọt nước mắt thương đau. Tất cả những cung bậc xúc cảm, trạng thái ấy kết tinh nên “vị muối của đời”. Cuộc sống muôn màu với những vấn đề đa đoan của nhân thế, đó là mảnh đất tốt để văn học bén rễ sinh sôi. Công việc của nhà văn là phản ánh và tái hiện đời sống để làm nên “chất mặn” cho trang thơ. Để từ “vị muối” của đời thường ghi tạc trong văn chương, nó làm “mặn lòng” những kẻ đã từng đắm chìm trong trang sách.
8. Trước khi làm một nghệ sĩ hành hiệp trên văn đàn, tất nhiên nhà thơ nào cũng đã từng là một con người đứng giữa đời sống. Khi mật đời là nguồn dưỡng chất dồi dào để nuôi sống thơ ca, anh phải làm một con ong thợ chăm chỉ cần lao thâm nhập vào thực tế, trải nghiệm đời sống để thấu triệt mọi lẽ nhân sinh. Chính cái bộn bề, phức tạp của đời sống con người khơi dậy trong anh niềm cảm hứng sáng tạo, cung cấp chất liệu thực tế để làm sống động hình tượng nghệ thuật của riêng mình. Từ trường đời lăn lộn đến trang văn, những sóng gió bão táp của số phận như phù sa bồi đắp thêm kinh nghiệm sống lịch lãm, thăng trầm, làm nên “chất mặn” cho những trang thơ, sự sâu nặng trong cái nhìn nghệ thuật độc đáo của người nghệ sĩ về con người và cuộc đời.
9. Nếu thi nhân có những phút giây yếu lòng, khuất phục trước thương đau, tự tôn cái tôi vị kỷ thì bi kịch thay cho người nghệ sĩ, dù vết thương lòng vẫn còn rỉ máu, trái tim anh vẫn cứ vị tha, đập mãi vì nỗi đau đời, vì những khổ sở vẫn còn tồn tại trên nhân thế. Là người tỉnh táo và bản lĩnh khước từ chén canh Mạnh Bà quên lãng, ngòi bút của thi nhân phải luôn là “thứ khí giới thanh cao đắc lực” phản tỉnh con người, để họ nhận ra “vị muối của đời”, để mà thấm thía, chiêm nghiệm, vượt qua.
10. Thơ, tự trong bản chất là những xúc cảm đột khởi, thăng hoa mãnh liệt, đồng thời cũng là những triết nghiệm ý vị sâu lắng về đời sống và con người. Phải sống sâu, phải lặn ngụp kĩ vào bể đời, người nghệ sĩ mới kết tinh được “chất muối” tinh quý của cuộc đời để làm nên “chất mặn” cho trang thơ.
11. Triết gia Aristole vĩ đại đã từng khẳng định: “Nghệ thuật là sự mô phỏng cuộc sống”. Đấy không phải là sự quy chụp nhân sinh trong giới hạn của bốn góc cạnh hay sự sao chép nguyên si bản nguyên đời sống. Hiện thực trong văn chương là khoảng không mở ra thế giới vô cùng, là sự thật đậm đặc, là tinh chất của muối đời đã được “chắt lọc”, “nâng lên”, “tập trung cao độ” mang giá trị tư tưởng cao. Lấy thực tế làm gốc, người nghệ sĩ sáng tạo lại hiện thực, biểu hiện khát vọng và giấc mơ của con người. Dụng công của người phu chữ đèo bòng nợ văn chương là cái nghiệp lao động nghệ thuật, xử lí chất liệu đời sống, chắp cánh tư tưởng cho nguyên liệu thô “dâu xanh”, “gạo trắng”, có thể hóa sinh thành “kén vàng”, bốc lên thành “men rượu”. Để từ đó, hiện thực đời sống được bất tử hóa, không còn chịu lẽ vô thường biến cải nương dâu. Hiện thực mang tính quan niệm, tư tưởng trong văn chương tác động vào lòng người bằng con đường tình cảm, từ thay đổi nhận thức đến biến chuyển hành động, bạn đọc sẽ thay mặc “dâu xanh”, “gạo trắng” để kết tinh nên “kén vàng”, làm nên “men rượu” cho cuộc đời thực.
12. Theo lẽ thường của quy luật sáng tạo, văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Sự thật chỉ có một, như “dâu xanh”, “gạo trắng” của đời thực, loại nào cũng giống nhau. Bằng tài nghệ và sự dụng công của người chưng cất, sẽ đưa ra thành phẩm “kén vàng” và “men rượu” khác nhau. Cũng như bản chất của nghệ thuật là hoạt động sáng tạo mang tính cá thể, là địa hạt của sự độc đáo nên dị bản đời sống sẽ thành hình khác nhau theo cá tính sáng tạo riêng và quan điểm lập trường thời đại mà người nghệ sĩ chịu ảnh hưởng.
13. Văn chương không nên là tấm gương phản chiếu, sao chép đời sống. Văn chương phải là những lời phản tỉnh, tranh biện về cuộc đời, chất vấn về sự tồn tại của con người, phải đặt ra những câu hỏi trăn trở cho thời đại và nhân loại. Với góc nhìn mới mẻ, độc đáo và những phát hiện riêng của người nghệ sĩ trong quá trình sống giữa cuộc đời, cùng trí tưởng tượng phong phú, người nghệ sĩ kiến tạo nên thế giới của ước mơ, lí tưởng, vươn lên trên hiện thực khách quan, để phá vỡ các giới hạn của sự tồn tại. *Bởi thế, chân lý nghệ thuật thống nhất nhưng không đồng nhất với chân lý của đời sống.*
14. Nếu trang văn của anh chỉ mãi chăm chú kí thác những “vị muối của đời”, sao chép nguyên si cái bộn bề, phức tạp của đời sống, thì khác chi tác phẩm anh là một bản ghi chép chân thực của đời sống chẳng tác động, lay chuyển gì trong tâm thức người đọc. Nhưng cũng sẽ là hoài công vô ích như kiếp dã tràng, nếu sự sáng tạo, phóng bút của anh không gắn liền với hiện thực đời sống, xa lạ với những vấn đề thuộc về thân phận con người thì văn chương kia khác gì con tem gửi vào vũ trụ, để rồi im lặng biến mất giữa thinh không. Đời sống muôn màu là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng nghệ thuật, là chìa khóa hữu ích để bạn đọc giải mã mọi hình tượng nghệ thuật phức tạp. Văn chương chân chính luôn đi từ giải thích đúng đắn thế giới đến cải tạo đời sống bằng những sáng tạo nghệ thuật riêng của người nghệ sĩ.
15. Cành hồng trước hiên nhà sẽ tàn phai theo năm tháng. Duy chỉ “bông hồng vàng” là được bất tử hóa nhờ vào sự dụng công tài nghệ của người nghệ sĩ. Dù phản ánh hiện thực bằng chuyện đời như con ong chăm chỉ hút mật hay như con tằm rút ruột nhả tơ, giãi bày nỗi niềm riêng thì mối quan hoài thường trực của người nghệ sĩ vẫn luôn là số phận con người và hiện thực đời sống. Bởi lẽ, tất cả nghệ thuật trên Trái Đất đều phục vụ cho nghệ thuật sống của con người.
16. Tôi tin rằng mỗi người trong chúng ta đã từng một lần cầu cứu đến ánh sáng của cái đẹp nơi trang giấy, như một lời ru êm cho những mỏi mệt, thương tổn trong tâm hồn. Và tôi cũng tin rằng, dù vẻ đẹp kia của văn chương có là cuộc sống hay là những “cái đẹp độc đáo, khác thường” thì con người cũng đã có những giây phút trọn vẹn được đắm say cõi lòng mình tan vào trong dư vị của cái đẹp. Albert Camus đã nghẹn ngào xúc động khi tâm tình về cái đẹp “nó cho chúng ta một giây phút thoáng nhìn cõi vĩnh hằng mà chúng ta muốn vươn tay ra toàn bộ thời gian”. Rồi một mai, những cái “tầm thường, mực thước” của văn chương sẽ tan biến đi, để lại cho nhân gian chút rung động còn mãi, ấy chính là cái đẹp.
17. “Thơ không chấp nhận triết lý khô khan, chất triết lý trong thơ là triết lý từ cuộc sống với những tình cảm cụ thể” (Giáo sư Hà Minh Đức, Lí luận văn học, NXB Giáo dục)
18. Người nghệ sĩ trong cuộc hành trình dấn thân vào “vạn chuyến ong bay”, trải nghiệm cuộc sống để phản ánh cuộc sống, để biến “một mật” thành “trăm hoa” qua từng lăng kính chủ quan của chính mình, có người nhìn đời bằng đôi mắt u buồn thì sự buồn bã cũng nhuốm màu lên toàn bộ cảnh vật, nhưng lại có người ngắm nhìn cuộc sống bằng đôi mắt trong veo, trẻ thơ với đầy sự tò mò, cảnh vật tự nhiên trở nên tươi sáng, tràn đầy sức sống. Cuộc đời phong phú đa dạng, và qua đôi mắt người nghệ sĩ, cuộc đời có thể trở thành vô vàn nét đẹp, muôn vàn sắc thái, như Phạm Thiên Thư đã từng viết trong “Huyền ngôn xanh”:

“Một vầng trăng in trong gương

Vẫn là một vầng trăng.

Một vầng trăng qua lòng mắt nghệ sĩ

Có thể thành vô vàn nét đẹp”.

1. Hình ảnh hiện thực trần trụi, xơ cứng được nhìn qua “lòng mắt” – lăng kính chủ quan bao quát và mơ mộng của người nghệ sĩ thì sẽ càng trở nên đẹp, huyền ảo, lung linh hơn nữa. Người nghệ sĩ bằng khả năng quan sát tinh tế, rộng rãi cùng khả năng tưởng tượng, liên tưởng độc đáo và bản chất dào dạt cảm xúc của mình đã dùng từng đường nét, màu sắc, hình khối, nhào nặn nên một “vầng trăng” trong trang văn, trang thơ với vẻ đẹp phong phú hơn, độc đáo hơn, khác hẳn so với hình ảnh đơn điệu, thô cứng mà nó vốn có. Bởi thế, qua lăng kính và cá tính sáng tạo riêng mình, nhà văn khiến cuộc đời như rộng thêm, hiện thực trở nên phong phú hơn, biến đổi những cái đơn điệu thành vô vàn nét đẹp, và từ những nét đẹp ấy tạo nên “bụi vàng” cho tác phẩm văn học, để rồi trở thành “Thứ vũ khí thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo vừa thay đổi một thế giới xấu xa, giả dối, vừa làm tâm hồn người đọc trở nên trong sạch và phong phú hơn” (Thạch Lam).
2. Văn học nghệ thuật khởi nguồn từ cuộc đời và tiếng nói tình cảm mãnh liệt, với sứ mệnh cao cả là trở thành “Thứ vũ khí thanh cao và đắc lực”, để thay đổi hiện thực phải tìm được những cách thức tác động vào tình cảm, tâm tư bạn đọc, rồi từ đó tạo thành sức mạnh tác động trở lại vào cuộc sống. Bạn đọc với tâm hồn và các cung bậc cảm xúc đa dạng sẽ không thể có được sự đồng cảm, không thể bị văn học tác động nếu những điều mà văn học đem lại chỉ toàn là rập khuôn, đơn điệu, “như cây quá thẳng, chim không về” (Chế Lan Viên). Cũng vì lẽ đó, người nghệ sĩ mang những trăn trở, suy ngẫm về thời cuộc nếu muốn ghi lại dấu ấn trên đời, muốn đứa con tinh thần của mình “lắng ở ô nề” và “đọng ở bề sâu” trong tâm hồn bạn đọc thì phải có được thứ “vân tay nghệ thuật riêng”, thể hiện qua cái nhìn độc đáo, mới mẻ, những phát hiện trong quá trình khám phá hiện thực cuộc sống. Vì thế, đến ngay cả những gì đơn giản và đời thường nhất như vầng trăng của thiên nhiên vũ trụ qua đôi mắt đầy sự tò mò, ngỡ ngàng, mê say của các nhà văn, nhà thơ cũng sẽ có những nét riêng, nét sáng tạo mang tính cá thể, không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình.
3. Văn chương bắt nguồn từ hiện thực, “Cuộc đời là điểm khởi đầu và là điểm đi tới của văn chương” (Tố Hữu), mà hiện thực cuộc sống thì muôn màu muôn vẻ, đầy góc khuất sâu kín, nhà văn hay nhà thơ cũng không thể chỉ bằng một nét bút mà đưa tất cả vào tác phẩm được, đó cũng là “sự bất lực của nghệ thuật” (Nguyễn Thành Long).
4. Người đọc mỗi khi chuẩn bị lật một trang sách cũng nên rèn cho mình một “lòng mắt” của người nghệ sĩ, cảm nhận tác phẩm bằng cả khối óc lẫn trái tim để thấu hiểu những tầng ý nghĩa và bài học sâu sắc mà nhà văn, nhà thơ đã nỗ lực gửi gắm. Bởi nếu thơ hay, văn đẹp mà lòng người nguội lạnh chẳng thể hiểu thì cũng không đem lại lợi ích gì cả.

“Ngày tử thần gõ cửa nhà anh

Anh sẽ có món chi làm tặng vật

Trước vị khách đến thăm tôi sẽ đặt

Cái ly tràn đầy cuộc sống của tôi dâng”

(Tagore).

82. “Ta muốn máu trào ra đầu ngọn bút

Mỗi lời thơ như dính não thơ ta

Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt

Như mê man chết điếng cả làn da”

Từng được Chế Lan Viên nói rằng “mai sau trong cái tầm thường, mực thước kia tan đi, và còn lại của thời kỳ này chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử”, Hàn đã dành cả cuộc đời của mình với tất cả say mê, niềm đau và tiếc nuối cho việc làm thơ, sáng tác. Mặc kệ những cuồng điên đến thét gào trong bao cơn mê man của những máu và hồn chực chờ tan biến, Hàn Mặc Tử vẫn chọn thi ca như một sự cứu rỗi cho mình và cho cả thi nhân. Tâm tư đó cũng hệt như nỗi lòng mà Chế Lan Viên hướng đến khi viết “Ánh sáng và phù sa” để nói về nhà văn, nhà thơ và quá trình sáng tác của họ:

“Người dưới vực sâu cứu kẻ trên bờ

Nếu dưới vực sâu còn dũng khí

Tôi trong đau vẫn làm viên muối bể

Để mặn lòng cho những kẻ muốn vô tư”

Với vỏn vẹn bốn câu thơ, Chế Lan Viên gói ghém ở đó một cái nhìn, một định nghĩa về hoạt động sáng tác: đó là sự một sự cứu chuộc. Người nghệ sĩ, đứng giữa vực sâu của niềm đau, đảo điên, loạn lạc trong chính cuộc đời mình vẫn nguyện đưa tay ra cứu lấy kẻ trên bờ, cứu lấy những kiếp nhân sinh vốn dĩ là xa lạ. Bằng tất cả dũng khí, sức lực và niềm yêu, họ không nề công “làm mặn lòng” những kẻ “vô tư”, những người không đau, chưa đau để ấp ôm, vỗ về và thức tỉnh cho lòng người khỏi phải chơi vơi, hỗn loạn. Để rồi, họ biến văn chương của mình thành một điểm tựa, một ánh dương rừng rực soi sáng cho những kẻ lầm đường, cho sự đơn côi lạnh lẽo mà con người phải mang vác trong cõi đời lao đao. Sáng tác văn chương chính vì lẽ đó, có sức mạnh chữa lành, như một cách xoa dịu lòng người, hồn người đi qua những cơn bão giông, để lại dạt dào niềm tin, lại căng tràn sức sống.

1. Trong lời đề tựa cho tập “Lửa thiêng”, Xuân Diệu đã không chỉ viết về “cái buồn vô hạn hoá thành cái tủi vô cùng” của Huy Cận đã mang lấy suốt cả kiếp người mà cũng thông qua đó “thở than” rằng, nỗi buồn Huy Cận cũng là “nỗi buồn chung của con người, bọn thi sĩ chúng tôi nhẹ lòng, nhẹ dạ nên mang lĩnh dùm tất cả nhân gian”. Quả nhiên, người thi sĩ bao đời nay nguyện gắn đời mình, lòng mình với thế gian để hiểu, để thương, để yêu và để đau. Sinh ra với một sự tinh tế, nhạy cảm và dễ rung động, người nghệ sĩ đứng trước một thế giới đầy biến động với những vết nứt, những tan hoang tiềm tàng, họ như chờ sẵn để giữ lấy những mảnh vỡ, những niềm đau ấy, nguyện dấn thân mình vào cuộc bể dâu để giải thoát con người khỏi bị lưu đày vào cõi vong thân. Văn nhân nhìn thẳng vào lòng mình, lấy ra trong đó những nỗi hoang mang, những tâm tình để nói lên nỗi lòng được che giấu dưới đáy sâu hồn người. Để rồi, trong niềm đau của mình, nhà văn vươn lên, cứu lấy những niềm đau của người để xoa dịu và chữa lành cho nó.
2. Trong “Lược khảo văn học”, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trung có từng viết: “Trước một thế giới tan vỡ hay có nguy cơ tan vỡ, nhà văn nhặt nhạnh những mảnh vỡ để tái tạo lại chính nó đồng thời kích hoạt những dây đàn cảm xúc của con người. Vì vậy xã hội càng bất an, càng cần đến văn chương”. Dường như, được sinh ra với một sứ mệnh là người hàn gắn cho những vết nứt của cuộc đời, Văn nhân luôn “Tự mang lấy một chữ tình” để dìu dắt con người đi qua những cuộc bể dâu. Nhìn thấy những vô nghĩa lý trong đời để viết về nó, nhà văn làm cho con người cảm nhận được cuộc đời thực, tìm thấy hơi thở của nhịp sống đang hiện hữu thay vì chìm đắm trong những ảo mộng hoang đường. Quẩn quanh dưới đáy vực sâu, người nghệ sĩ ngược lại là người đi tìm lối thoát cho nhân gian, từ nghịch cảnh đầy đau thương đó phải không ngừng vươn lên để thanh lọc, tái tạo cuộc đời. Dẫu cho ở tận cùng bi kịch, dẫu cho là cái chết hay sự phá huỷ thì cái kết thê thảm đến đâu phải là một cuộc tái sinh để con người trở về với cuộc đời thực để lại sống, lại hiện sinh. Mang lấy những vết nứt mà cuộc đời xuyên qua trái tim mình, những “Người mơ” đã “ở vực sâu” cứu kẻ trên bờ như một sứ mệnh đầy thiêng liêng và cao cả. Họ dùng vết thương của mình để làm lành những vết sẹo hằn ngang dọc trong trái tim kẻ khác. Họ dùng nỗi lòng đầy chua chát của mình trước cuộc sống để biến cuộc đời ấy thành những câu chuyện cổ tích với kết thúc thật có hậu, nơi mà sự sống được tiếp thêm sinh lực, nơi mà tình yêu không ngừng nảy nở, sinh sôi và ước mơ, hy vọng không hề dừng để biến thành sự thật.
3. Sinh ra giữa “một vũ trụ hung bạo”, như bao người khác, những nhà thi sĩ cũng không cách nào trốn chạy được khỏi những chấn thương, những khúc mắc như một nỗi ám ảnh dai dẳng trong tâm trí họ. Đó là một tuổi thơ bất hạnh, là hành trình trưởng thành gian nan, là những biến cố khiến họ không thể tự buông tha cho chính linh hồn mình,… Tất cả những điều đó tụ lại cùng nhau để người nghệ sĩ luôn sống trong nỗi hoang mang ngờ nghệch đến triền miên cùng những niềm đau, những hỗn loạn của tâm trí. Và rồi, những ẩn ức bị dồn nén đó bật ra thành từng tiếng một, là lời thơ, là câu chữ, ngôn từ như một sự giải thoát cho chính mình. Họ tìm đến thơ ca, hơn cả để cứu rỗi người khác mà còn là cứu rỗi cho chính bản thân mình. Như tỉnh dậy từ một cơn mơ với những xích xiềng của nỗi u uất, nhà thi sĩ viết về niềm đau như một lối thoát, một con đường để chạy trốn sự huỷ diệt và cũng là để đi tìm chính con người chân thật của mình. Vừa làm “người dưới vực sâu cứu kẻ trên bờ”, vừa muốn được cứu rỗi chính linh hồn mình thông qua việc “Trải lòng mình trên mảnh giấy mong manh”, Văn nhân đã để những sáng tác của mình thành một sợi dây gắn kết hồn mình với hồn người. Văn chương từ đây, trở thành một mối tương giao giữa người với người, là cách để nhà văn đi từ niềm đau của mình đến niềm đau của người, xoá nhoà đi ranh giới ở giữa và thật sự trở thành một người bạn, một tri âm. Chính cái tâm thế này đã khiến cho hàng trăm nghìn những cuộc đối thoại văn chương vô hình không ngừng diễn ra, để con người ta luôn được sống thật với chính mình, sống những cuộc đời gần gũi lẫn xa lạ, sống để hiểu mình và hiểu người, để thôi là “những kẻ muốn vô tư”.
4. Để văn chương trở thành một liều thuốc an thần sau những lần chao đảo, nhà văn không chỉ đầy hăng hái, say mê mang hết nỗi lòng mình vào trong câu từ, không chỉ trải lòng để viết đến thừa thãi, nhạt nhoà. Muốn cứu rỗi, chữa lành những vết thương, nhà văn phải biết nói đúng, nói đủ để chạm được chìa khoá mở cửa trái tim người. Không thể đâm sầm vào thế giới của một ai đó để “cứu vớt” họ mà ngược lại, nhà văn phải khéo léo, tinh tế để lần theo những ngóc ngách tâm tư: bằng nghệ thuật ngôn từ điêu luyện, bằng ngòi bút cứng cỏi, chừng mực.
5. Virginia Woolf từng viết rằng “Nhà thơ mạnh mẽ trong sự khốn khổ chết chóc” như một lời khẳng định đầy trực quan về nhà văn và quá trình sáng tác. Họ mạnh mẽ sống trong nghịch cảnh, trong những khốn khổ để nhìn rõ nó, đối diện với nó và viết về nó. Họ mạnh mẽ để không chỉ mang nỗi đau của riêng mình mà nguyện chìa đôi tay mình ra đỡ lấy những linh hồn chực chờ ngã quỵ giữa sa mạc cuộc đời. Và vì lẽ đó, nhà văn dẫu ở dưới vực sâu vẫn đủ sức mạnh mà cứu lấy kẻ trên bờ, đủ thành tâm mà làm mặn lòng những kẻ muốn vô tư.
6. Trong tiểu thuyết “Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ”, nhà văn Svetlana Alexievich từng trải lòng: “Bởi tinh thần của con người không mạnh mẽ, cũng không được bảo vệ như ta tưởng. Nó cần được nâng đỡ, cần ta tìm kiếm cho nó sức mạnh từ đâu đó… Tôi muốn viết về lịch sử của cuộc chiến tranh ấy. Lịch sử của những người phụ nữ”. Có lẽ là vậy, văn chương luôn là chuyện muôn đời, muôn người. Người nghệ sĩ như kẻ đa đoan ôm trọn vào lòng bao nỗi buồn đau khắc khoải, để rồi rót tất cả lên từng con chữ, len lỏi vào sâu trong tâm khảm bạn đọc, bầu bạn với những linh hồn đơn côi quạnh quẽ, xóa tan đi những mảng màu băng giá của trái tim cô độc và chai sạn. Vậy phải chăng sứ mệnh của văn chương nghệ thuật chính là phản ánh đời sống, thanh lọc đời người và đồng thời tái tạo lại thế giới? Cùng với những dòng suy nghĩ ấy, nhà văn Tô Hoài cho rằng: “Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”. Nhưng Marcel Proust lại quan niệm: “Thế giới được tạo lập không phải một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập”.
7. Mỗi tác phẩm vừa phải thấm đượm cái hơi thở của thời đại, vừa phải hướng ra một luồng sáng đầy ý nghĩa cho bạn đọc và đồng thời phải in đậm dấu ấn sáng tạo của người nghệ sĩ.
8. Cuộc sống chính là nơi cung cấp chất liệu cho văn chương mà văn chương thì lại được phát khởi từ cuộc sống nên thấm đẫm trong từng lời thơ, con chữ chính là hơi thở của cuộc sống. Chính vì vậy mà nhà văn Tô Hoài cho rằng: “Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”. Phải chăng có mối liên hệ thầm kín nào giữa sự sáng tạo âm thầm của mỗi cá nhân nghệ sĩ với những biến động của cuộc đời?  Nhà văn bao đời nay luôn tìm đến hiện thực như một mạch nguồn cảm hứng sáng tác. Họ tìm đến những đau khổ ai oán, những bi thương cùng cực, những đớn đau đoạn trường như một nguồn tài nguyên vô tận cho tác phẩm của mình. Sẽ ra sao nếu tác phẩm của anh chỉ là những thứ viển vông, hư ảo, chỉ là những điều giả dối, huyễn hoặc? Victor Hugo có lần tâm sự về nghề viết của mình: “Bể khổ của nhân loại là nguồn khai thác không bao giờ vơi cạn của đời tôi”. Hay Giáo sư Lê Huy Bắc đã từng cho rằng: “Nghệ thuật chỉ đạt đến đỉnh cao của nó khi được chắt lọc từ những nỗi đau đích thực của cuộc đời”. Văn chương bao đời luôn gắn mình với thời đại, với cuộc sống con người. Nó được ra đời từng những cơn rung chấn, biến động của cuộc đời. Bất kì một sáng tác nào, cho dù được viết theo lối chủ nghĩa hiện thực huyền ảo hay trường phái siêu thực thì tất cả đều phải gắn liền với cốt lõi của hiện thực. Hiện thực chính là nguồn gốc của nhận thức, của ý thức, là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng nghệ thuật và đồng thời là chìa khóa lí giải các hiện tượng phức tạp của đời sống. Hiện thực như một bộ phận cấu thành để tạo nên nghệ thuật. Mặt khác, chức năng của văn học chính là trở thành “thứ vũ khí thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo một thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn”. Muốn như thế, văn học phải phản ánh hiện thực cuộc sống, phải cho người ta thấy được bản chất cốt lõi của sự sống, những vấn đề xung quanh con người. Nghệ thuật tự nó không thể thay thế được cách mạng, không tạo ra nổi những tiến trình lịch sử, nhưng thông qua sự tác động tới những tư tưởng, tình cảm con người, nó tham dự vào sự vận động chung của xã hội như một nhân tố thúc đẩy hoặc kìm hãm. Tác phẩm sẽ rơi vào quên lãng nếu nó chỉ là sự sáo rỗng, vô hồn, nếu nó chẳng phản ánh được những gì đang diễn ra trên cuộc sống này. Vì vậy, để những con chữ kia trở thành những áng văn thơ “lụy phần dư”, để những tác phẩm kia nằm ngoài quy luật phá hủy của thời gian thì mỗi trang văn đều phải “soi bóng thời đại mà nó ra đời”.
9. Theo thuyết phân tâm học của Sigmund Freud, mỗi tác phẩm trước hết phải là một giấc mơ. Đó là giấc mơ về thế giới mới, cuộc sống mới chứa chan đầy hạnh phúc và hy vọng. Tác phẩm văn học phải vẽ nên được một thế giới mới trong sự khát vọng và ước ao. Hơn thế nữa, văn chương phải giúp ta thay đổi nhận thức, tư duy và suy nghĩ của chúng ta để từ đó kiến tạo nên một thế giới “nó nên là và phải là” (Aristotle). Bản chất vốn đã thế, văn chương mang lại nguồn sáng, nguồn sống cho cuộc đời, nó phải tạo lập nên được một thế giới mới bẳng những con chữ, lời văn. Văn học phải mang trong mình chức năng giáo dục, thanh lọc, thuần hóa tâm hồn con người. Nó phải cho ta thấy được sự chân-thiện-mỹ, nó phải gieo vào tâm khảm mỗi người sự đồng điều và yêu thương. Nó phải xây dựng được ở con người khát vọng vươn lên, biết tự soi mình để có được những nhận thức đúng đắn để rồi tác động ngược lại vào cuộc sống một cách tích cực:

“Tôi nhìn thấy  
trong trang sách chưa đọc  
sự vắng mặt của mình  
thấy trong cái bóng mất hình  
ánh tà dương cũ  
tan tình trong sương  
tôi nhìn thấy một nỗi buồn”.  
                   (“Cái bóng mất hình”, Nhật Chiêu)

Đọc một tác phẩm văn học, ta chẳng cần quan tâm đến quốc tịch, màu da, sắc tộc của nhân vật. Điều mà ta cần chú ý đến chính là những hình tượng nghệ thuật, tâm lý nhân vật, tính cách, cách ứng xử, …Thông qua những hình tượng ấy, có vẻ dường như văn chương chất chứa trong mình sự vận động, nó khiến cho mọi người tự soi mình và tự nhận thức mình để từ đó “một lần nữa thế giới được tạo lập” thông qua ngòi bút sắc sảo của tác giả. Chính vì lẽ đó, để tác phẩm của mình trở thành những tuyệt tác muôn đời, để tác phẩm “nằm ngoài quy luật của sự băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết” (Sedrin) thì mỗi nhà văn cần tạo lập nên một thế giới mới thông qua những ngôn từ nghệ thuật, cần gieo vào lòng bạn đọc những chân lý và tư tưởng.

1. Nhà văn ví như một kẻ diễn xiếc ngôn từ. Họ giao thoa vào cõi đời vội vã để rồi bật lên từng hồi vang vọng, gột rửa thời đại bằng chính giọt nước mắt của thi ca.
2. Bao đời nay, nhà văn luôn tìm kiếm hạt bụi vàng lắng sâu trong lớp vỉa trầm tích của hiện thực như một chất liệu để làm nên tác phẩm của mình. Từ những chi tiết hiện thực ấy, nhà văn muốn khái quát nên một thời đại, một lịch sử với đầy rẫy những mất mát và đau thương. Chẳng những vậy, qua những chi tiết ấy, người nghệ sĩ như muốn nhắn gửi đến bạn đọc một thông điệp đầy ý nghĩa, muốn gieo vào lòng bạn đọc sự đồng cảm và thương xót, muốn vẽ nên một thế giới mới với sự hạnh phúc và an yên.
3. Khi bàn luận về quá trình sáng tạo Ivan Turgernev đã từng quan niệm rằng: “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể có trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói riêng của mình”. Thật vậy, điều làm nên sự hấp dẫn của tác phẩm chính là sự độc đáo và mới lạ của người nghệ sĩ. Nếu văn chương chỉ là sự lặp lại quen nhàm, chán nản thì chắc chắn rằng vận mệnh của nó sẽ là cái chết. Thử hỏi xem điều gì đã làm nên một “Truyện Kiều” được vang danh lâu bền đến tận ngày hôm nay? Phải chăng đó chính là nhờ sự độc đáo trong ngòi bút, trong đề tài của Nguyễn Du khi ông lựa chọn viết về người phụ nữ phong kiến mà xã hội đương thời hiếm khi nào có? Điều gì đã khiến cho nữ sĩ Hồ Xuân Hương lại có một sức ảnh hưởng sâu sắc và mạnh mẽ trong lòng bạn đọc? Đó có phải là nhờ sự ý thức nữ quyền, sự phản kháng mạnh mẽ và khí chất ngang tàng “Nín đi kẻo thẹn với non sông”? Thơ của Hồ Xuân Hương nhuốm chút vị buồn pha vị chua chát nên tình đã phả vào văn một cách lạ kì, chẳng ai bắt chước được mà cũng chẳng bắt chước được ai. Chính vì vậy, “Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này nhưng thế giới trong con mắt nhà văn phải có hình sắc riêng” (Hoài Thanh). Cái nhìn của mỗi nhà văn về sự vật phải khác biệt so với chung quanh.
4. Trong Thần thoại Bắc Âu, tác giả dân gian từng nhắc đến câu chuyện “Rượu thi ca”, đó là một loại rượu được tạo ra bởi những người khổng lồ và khiến cho các vị thần phải bằng mọi giá có được. Và thi ca, ra đời từ đó, theo quan niệm của người Bắc Âu, mọi bài thơ được ra bởi những người thi sĩ uống được một giọt rượu thi ca trên con đường tranh giành giữa Thor và những người khổng lồ để xem ai sẽ có được thức rượu tuyệt phẩm ấy. Phải chăng do nguồn gốc đầy độc đáo ấy, bởi những câu thần chú và phép thuật, thơ ca cũng tiềm tàng sức mạnh kì diệu? Mà như Nhà nghiên cứu Nhật Chiêu từng viết trong “Ba nghìn thế giới thơm” vậy: “Thơ ca trong bản chất của nó, là mây. Một hình thể vô định và huyền ảo. Và thơ ca cũng còn là bão tố”.
5. Thơ ca lúc nào cũng nhẹ nhàng, bay bổng, lững lờ trôi giữa dòng đời vô tận. Nó ở ngay trong cuộc đời này nhưng cũng thật xa xôi như ở chốn tận cùng thế giới. Thơ ca là một hữu thể vô định mà huyền ảo, nó luôn vận động, luôn luôn đổi dời. Thơ ca mở ra một thế giới kì ảo, một chân trời lạ lẫm, nơi mà đời thực và những giấc mơ trộn lẫn vào với nhau, nơi mà mọi ranh giới hư thực bị xoá nhoà. Và trong cái nhẹ nhàng thoang thoảng thi vị ấy, thơ ca mang trong nó một sức mạnh tiềm tàng, có thể dữ dội như những cơn bão tố. Tất cả những điều đó tạo nên thi ca, rực rỡ và chói loà như một ánh ban mai vàng rực.
6. Giáo sư Đỗ Lai Thuý từng viết: “Thơ ca là một cấu trúc ngôn từ phức tạp, nó bắt ta phải nhớ, phải cảm xúc, phải suy nghĩ bằng chính ngôn ngữ của nó”. Thơ ca được ví như một ma trận ngôn từ mà mỗi người thi sĩ là một nghệ nhân chơi chữ điêu luyện. Ngôn từ trong thi ca đeo trên nó hàng trăm nghìn những chiếc mặt nạ, vừa là nó vừa chẳng phải là nó. Mỗi một bài thơ là một hệ kí hiệu buộc người đọc phải giải mã thật tỉ mỉ bằng lòng nhiệt thành và trái tim biết rung cảm. Ngôn từ thi ca để làm được điều này cần phải có sức gợi, cả về hình ảnh của sắc, âm thanh của vần điệu nhưng hơn cả, là gợi lên những tình ý đậm đà. Ngôn từ thi ca như tạo ra giữa chúng những khoảng không thinh lặng mà tại đó hồn thơ chan chứa, dạt dào và tràn đầy. Nhưng như vậy chưa đủ lý do để thơ ca được ví như mây trời. Thơ ca muốn lửng lờ trôi vào hồn người cần được cấu thành từ những ngôn từ nhẹ nhàng, êm dịu. Nó phải tạo thành một làn sóng rung cảm lắng lọc trong tim độc giả thay vì những tạp ngôn xô bồ. Và thi ca, huyền bí đầy bất định chính nhờ tất thảy những những điều đó, nhờ cái ngôn từ đa nghĩa tạo thành các câu mơ hồ như những màn sương sớm không ngừng thu hút lòng người muốn khám phá, muốn thấu hiểu nó ở tầng sâu nhất.
7. Thơ ca, xem mơ hồ như bản chất của mình bởi lẽ nó được bật ra từ những cơn mơ tình của người thi sĩ, từ hai bờ của nhận thức và tiềm thực, của hiện tại và những giấc mộng. Khi người nghệ nhân ngôn từ lặng lẽ chìm vào cái ưu tư của riêng mình, khi đối diện với con tim mình, nhà thơ xây dựng trong đó một thế giới chủ quan riêng, dựng lên bởi ngôn từ mà nền tảng là sự bộc phát và chiếm lĩnh những thứ trong bản năng lẫn cái tôi chìm ngủ. Đó là những mảng khuất và tầng sâu thẳm nhất trong tâm hồn để rồi bật lên từ đó, từng tiếng thơ vang vọng. Thơ ca, trong cái tâm thức của người thi sĩ, nó phát khởi, nó vẫy vùng để được bung ra thành những âm thanh mạnh mẽ dội vào lòng người đọc. Và khi đó, nó mang lấy nhữg trăn trở, những khao khát không cách nào nguôi ngoai của nhà thơ. Để rồi, họ đi lại vào trong sáng tác của mình và tìm lại chính bản thân đầy nguyên sơ nhưng cũng thần bí và xa lạ.
8. Bão tố trong thơ ca không có sấm chớp đì đùng nhưng nó có những tiếng thơ trào dâng. Từng làn sóng ngôn từ trùng điệp xô vào lòng ta khiến ta bồi hồi, thổn thức. Nó làm ta lay động và xuyến xao, khiến lòng ta không nguôi mà gợn nhẹ nỗi cồn cào, lăn tăn. Đó là cái tình trong thơ, cái cội nguồn cho mọi lời tha thiết. Một lần nữa, Đỗ Lai Thuý viết: “Thơ ca đứng trên cái chênh vênh của đời thực. Đó là cái đẹp của nó, là bi kịch của nó và là vận may kì diệu của nó”. Quả thật vậy, trên bờ vực của lòng người chênh vênh, thơ ca xuất hiện thu gọn tất cả vào trong tầm mắt. Thơ ca viết về những lần chao đảo của linh hồn, nó tìm ra trong đó cái đẹp bản thể. Nó mang mác cái buồn của thời cuộc, nó nghẹn ngào nỗi đơn côi của vận mệnh. Nhưng lại càng vì thế mà nó càng may mắn: nó đã nhìn thấy, đã nắm bắt và thấu hiểu được lòng người heo hút. Nên cũng từ đây, thơ ca bộc bạch những lời thủ thỉ với lòng người khiến ai nấy “rùng mình” vì nỗi lòng đột nhiên trào dâng, vì tiếng lòng tựa như ứa ra trong từng nhịp thơ, vần thơ. Những thi vị, những ý nghĩa sâu sắc của những bài thơ bởi thế mới như là bão tố, nó đánh mạnh vào lòng người, tạo ra sợi dây gắn kết mang tên cảm thông. Những âm thanh, những hình ảnh thơ cũng dần hiện lên ngay trước mắt, không ngừng liên tục khiến cho người ta xuyến xao cả một vùng tâm thức.
9. “Và những giọt lệ rưng rưng trên mi người đọc

Ngọc của người còn trong gấp giấy

Ngọc thơ anh”

(“Lệ ngọc”, Chế Lan Viên)

Độc giả chính là những người quyết định số phận của thơ ca. Tiếp nhận văn học là giai đoạn hoàn tất quá trình sáng tác – giao tiếp của văn học. Phụ thuộc vào mỗi người đọc khác nhau mà tác phẩm sẽ được nhìn nhận qua những lăng kính khác nhau, từ đó tạo nên nhiều ý nghĩa mới. Trong “Đọc thơ mạch ngầm văn bản”, Chế Lan Viên viết:

*“Đọc thơ, có người đọc như nhà thực vật*

*Đọc mùa quả, hoa chói mắt*

*Có người như nhà địa chất*

*Đọc cái mạch ngầm văn bản phía sau”.*

Đọc “như nhà thực vật”, “đọc mùa quả, hoa chói mắt” là đọc những cái hoa mỹ, hào nhoáng bên ngoài còn “đọc như nhà địa chất”, “đọc cái mạch ngầm văn bản phía sau” là đọc cái tầng sâu những ý nghĩa, những bài học sâu sắc có giá trị tư tưởng.

1. Maxim Gorki có câu: “Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả”. Nếu ví tác phẩm nghệ thuật là đứa con tinh thần được nhà văn thai nghén thì số phận của đứa con ấy lại phụ thuộc và chính nó và người tiếp nhận nó. Chỉ đến khi người đọc tiếp nhận thì hoạt động sáng tạo nghệ thuật mới hoàn tất. Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải sao chép hiện thực một cách hời hợt, nông cạn. Nhà văn cũng không đưa các sự kiện, con người vào tác phẩm một cách thụ động, giản đơn mà hiện thực trong tác phẩm chính là hiện thực cuộc sống được nhà văn suy tư, trăn trở để rồi thai nghén và tái hiện lại dưới ngòi bút, bằng chất liệu ngôn từ. Nhà thơ Đức H. Heiner từng viết: “Thế giới chẻ làm đôi, vết nứt xuyên qua trái tim nhà thơ” là vì vậy. Tác phẩm văn học mang đậm dấu ấn chủ quan của nhà văn, mang những nét đặc trưng về nhân sinh quan, thế giới quan, về nhân cách, tấm lòng của nhà văn. Nhưng khi đến với người đọc, thì hiện thực trong tác phẩm sẽ trở thành hiện thực khác trong thế giới tinh thần của họ. Tùy thuộc vào năng lực, thị hiếu, vào kinh nghiệm, trình độhọc vấn mà người đọc sẽ ở những cấp độ tiếp nhận khác nhau. Cấp độ đầu tiên là cấp độ ngôn ngữ. Đây là quá trình người đọc giải mã các kĩ hiệu ngôn ngữ, từ ngữ, câu, đoạn để hiểu được lớp lời văn của tác phẩm. Cấp độ tiếp theo là cấp độ hình tượng. Sau khi hiểu được ngôn ngữ tác phẩm, người đọc sẽ sống và trải nghiệm thế giới nghệ thuật của tác phẩm thông qua hệ thống các nhân vật, cốt truyện, bối cảnh… Người đọc tiếp nhận tác phẩm văn học ở hai cấp độ này sẽ “đọc như nhà thực vật”, “đọc mùa quả, hoa chói mắt”. Tức là đọc tầng nghĩa bên ngoài tác phẩm. Cấp độ cao hơn là cấp độ kết cấu và chỉnh thể. Người đọc sẽ thâm nhập vào thế giới hình tượng để khám phá ra những tầng nghĩa ẩn sâu trong tascp hẩm, để hiệu nội dung tư tưởng của tác phẩm. Và cấp độ cao nhất của quá trình tiếp nhận là cấp độ sáng tạo. Ở cập độ này, người đọc sẽ sáng tạo lại tác phẩm, lấp đầy những “khoảng trống” mà nhà văn tạo nên, phát hiện ra những ý nghĩa mới của tác phẩm. Đây là then chốt tạo nên sự bất tử của văn chương, như Saltykov Sedrin từng viết: “Văn học nằm ngoài những định luật của băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết”. Người đọc ở hai cấp độ cao nhất này sẽ như “nhà địa chất”, họ lần được đến cái “mạch ngầm” sâu trong tác phẩm và chiếm lĩnh được tác phẩm ấy.
2. Charles Dubos từng nói: “Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng”. Quả thật là vậy. Nói đến văn chương là nói đến cái đẹp. Đó là cái đẹp vốn có trong đời sống hiện thực như vẻ đẹp thiên nhiên, các nét đẹp phong tục tập quán. Đó cũng là vẻ đẹp con người mà nhất là vẻ đẹp tâm hồn. Hơn hết, khi đến với văn chương, người đọc sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật. Vẻ đẹp ấy là tinh hoa trong thơ ca. “Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm” (Leonardo da Vinci). Vẻ đẹp đó cũng là tính nhạc trong thơ, là những vần thơ du dương ngân nga mãi trong tâm hồn đọc giả. “Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm” (Voltaire). Vì lẽ đó, khi đọc thơ, cần “đọc như nhà thực vật” để cảm nhận hết vẻ đẹp của sức sống trong ngôn từ, vẻ đẹp của “mùa quả, hoa” chói mắt.
3. Nhà phê bình người Nga Bielinkxky từng viết: “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó”. Thơ ca nói riêng và các tác phẩm nghệ thuật nói chung đều chứa đựng những chiều sâu, những tầng nghĩa mà chỉ khi độc giả đặt mình vào tác phẩm tìm hiểu, rung cảm với tác phẩm, với nhà văn thì mới có thể chạm đến, thấu hiểu những tầng nghĩa đó. Chỉ khi lần sâu vào “mạch ngầm” văn bản, người đọc mới thực sự chiếm lĩnh được tác phảm, mới không bỏ sót những ý nghĩa sâu sắc bên trong và chậm chí, từ những ý nghĩa đó, có thể sáng tạo, soi rọi lại chính bản thân mình. Trong tiếp nhận văn học, quá trình đồng sáng tạo của độc giả là một quy luật tất yếu. Giáo sư Huỳnh Như Phương từng viết: “Không nên quan niệm tác phẩm như một cái gì cố định, bất biến, trái lại về hình thức cũng như về nội dung, nó mang ý nghĩa của một cuộc đối thoại”. Đó là cuộc đối thoại giữa độc giả và nhà văn. Người đọc là niềm khắc khoải tri âm của nhà thơ: “Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng gặp gỡ” (Cao Bá Quát), hay như Lưu Hiệp viết: “Tri âm thực khó thay cái âm thực khó biết, người biết thực khó gặp. Gặp được người tri âm, nghìn năm có một”. Người đọc đến với thơ ca cũng là để tìm sự đồng điệu, sự tri âm nhất định. “Thơ là chuyện đồng điệu. Nó là tiếng nói của người nào đó đến với những người nào đó có sự cảm thông chung dựa trên cơ sở đồng ý, đồng tình” (Tố Hữu). Khi tìm đến được “mạch ngầm văn bản”, người đọc không chỉ hiểu thêm về tâm tư, tình cảm tác giả mà còn đúc kết được nhiều kinh nghiệm, mở rộng vốn hiểu biết để từ đó “sáng tạo lại chính bản thân mình” (Huỳnh Như Phương). Vậy người đọc khi tiếp nhận văn học, không chỉ đọc “mùa quả hoa, chói mắt” bên ngoài, mà còn phải đào sâu vào “mạch ngầm văn bản phía sau”.
4. Một khi hiện thực muốn mượn truyện ngắn làm sinh thể để biểu hiện chính nó, thì buộc nó phải chịu đau đớn, phân tách, để vừa in với chiếc giày pha lê của cô bé lọ lem mang tên truyện ngắn.
5. Dòng thời gian là người bạn nghiệt ngã của trí nhớ và những người hay hoài niệm… Thuận theo dòng chảy vô thủy vô chung của nó, vạn vật đều nhòa dần, và nằm yên nơi bóng đêm như chiếc lá tịnh lại nơi cội cây. Duy có nghệ thuật nói chung và những thiên truyện ngắn hay nói riêng là còn sống mãi. Vì truyện ngắn, bản thân nó là “một cách cưa lấy một khúc của đời sống”, là sự kết tinh của những tâm hồn đa cảm, những khối óc miệt mài và những trái tim ấm nóng – những nhà văn chân chính! “Nghệ thuật nằm ngoài sự băng hoại của thời gian. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết” (Sedrin)
6. Nguyễn Văn Thạc từng viết: “Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu muộn, cái nên thơ còn lóng lánh những giọt nước mắt ở đời”. Phải chăng cuộc sống trong tính hiện thực của nó, niềm vui luôn đi đôi với nỗi buồn, ánh sáng luôn tồn tại bên cạnh bóng tối, cái xấu luôn xen lẫn cái tốt và niềm hạnh phúc thường đi đôi với nỗi đau bất hạnh? Và niềm đau của con người xưa nay đã trở thành động lực thôi thúc người nghệ sĩ cầm bút. Khi ấy, ta  nói: *“Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho dòng nước mắt, biến nỗi thống khổ của nhân loại thành tiếng hát vô biên”* (Đặng Tiến – Vũ trụ thơ).
7. Tạo hóa trao cho con người ngôn ngữ để sáng tạo nghệ thuật. Từ những lời hát trong lao động của người nguyên thủy, những lời nguyện cầu mong ước mùa màng tốt lành cho đến những vần thơ, thiên truyện dồi dào xúc cảm trên trang giấy. Có thể nói nghệ thuật – gam màu lớn của cái đẹp, đang mang trong mình những sắc thái nhỏ mà trong đó, văn học chính là một loại hình ngôn từ - đóa hồng sặc sỡ của vườn thảo mộc văn chương. Văn học phản ánh cuộc sống xuôi theo mạch chảy ngọt ngào của hiện thực. Hiện thực lại gắn liền với dòng nước mắt – là nỗi đau, sự tuyệt vọng, bế tắc, là tấn bi kịch không thể thốt thành lời. Nhưng nghệ thuật không chỉ bóc trần nỗi đau một cách vô nghĩa. Khi con người đắm mình trong nỗi sầu, cũng là lúc vẻ đẹp trong tâm hồn họ trỗi dậy, làm nên làn sóng căng tràn xúc cảm xô bờ lên trái tim người đọc, xâu chuỗi với nhau, kết tinh thành bức chân dung của chính tác phẩm ấy. Chưa dừng lại đó, nghệ thuật còn ẩn mình qua khả năng cải tạo hiện thực của nó. Từ nỗi buồn, văn chương thay áo mới cho những cung bậc cảm xúc của nhân loại, biến niềm đau thành niềm hi vọng, khích lệ, động viên con người chiến thắng số phận làm chủ cuộc đời.
8. Giữa biết bao bộn bề của buổi chợ phiên văn chương, giữa náo nhiệt, đông đúc của các gian hàng lãng mạn, giữa nhửng đòn gánh ngập tràn vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng, tại sao nhà văn lại phải đi đến những chân trời xa xôi để tạo nên vẻ đẹp cho dòng nước mắt? Tại sao giữa vạn vết cắt đời sống, người nghệ sĩ lại nguyện gắn ngòi bút của mình với những kiếp người đau khổ, với những trăn trở của cõi đời mênh mông? Bởi, con người chính là đối tượng phản ánh của văn học. Con người với tất cả những niềm vui, tâm tư, khát vọng luôn là đích đến của văn học, là mối quan tâm hàng đầu của người nghệ sĩ chân chính, đặc biệt là con người và niềm đau. Là dòng sông in bóng cuộc đời, là tấm gương soi chiếu hiện thực, văn học không thể khước từ những tiếng khóc than hay lời tuyệt vọng ai oán mà trái lại, bể khổ của nhân loại chính là hầm mỏ khai thác không bao giờ vơi cạn của người cầm bút. Có phải chăng người nghệ sĩ nên làm như Nadim-Hicmet từng nói: “Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt nhưng trước het61con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người”. Bên cạnh đó, sáng tác văn học là hành trình tìm kiếm, chịnh phục cái đẹp trên mọi giao lộ của cuộc đời. Niềm vui của người nghệ sĩ là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp. Và có lẽ, giọt nước mắt khổ đau cũng mang trong mình vẻ đẹp tiềm ẩn nào đó. “Tạo vẻ đẹp cho dòng nước mắt” chính là khám phá, chắt lọc những hạt ngọc ẩn sâu dưới lớp vỏ bọc tâm hồn của con người từ hiện thực đời sống. Từ cội nguồn của nỗi khổ, của số phận nghiệt ngã, nhà văn rẽ hướng đến những vẻ đẹp của tình thương, của niềm hi vọng, của ước mơ, hoài bão,... làm nên dáng vóc con người để tôn vinh, ca ngợi các giá trị chân thiện mỹ và quan trọng hơn hết là các giá trị người. Chính vì điều đó, mỗi nhà văn, trước hết phải là “người cho máu”, là kẻ đa đoan ôm trọn nỗi đau người, đau đời tha thiết, phải thu gọn vào tầm mắt lớp bụi đời thô ráp, bé nhỏ để gợi mở những lát cắt giản dị của cuộc đời. Với sứ mệnh cao cả và thiêng liêng ấy, người cầm bút phái khám phá được tinh hoa của vẻ đẹp sáng ngời trong tâm hồn nhân loại, hạt bụi vàng trong lớp vỉa trấm tích hiện thực, khơi dậy ở người đọc niềm tin vĩnh cửu về cài đẹp và cài thiện của mỗi con người.
9. Nghệ thuật chính là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, là bến đỗ của sự thanh bình, giúp con người trở về với bản chất thực sự, với cái luơng tri vốn có. Văn học sẽ còn lại gì nếu mất đi khả năng cải tạo hiện thực của nó? Sẽ ra sao nếu nghệ thuật không thể là mảnh đất ươm mầm những nhánh hoa hi vọng hay tiếng hát yêu thương? Khi ấy, tác phẩm nghệ thuật sẽ không: “nằm ngoài quy luật của sự băng hoại” và phải tự nó thừa nhận cái chết trước dòng sông năm tháng, trước những thành trì vĩnh cửu, trước những kì quan của tạo hóa. Vì lẽ đó, văn chương phải là ngọn lửa châm ngòi để sự thấu hiểu lan tỏa, là tiếng hát cất cao để thành nhịp cầu sẻ chia giữa trái tim với trái tim, giữa con người với con người và là ngọn gió đưa lối bao mảnh đời thoát khỏi thung lũng đau thương để đến với cánh đồng hạnh phúc. Bởi văn chương nói chung và tác phẩm văn học nói riêng không tồn tại như một vòng tròn khép kín mà là xứ sở của vùng đất muôn màu, ảnh hưởng đến sự vật xung quanh nó. Nhà nghiên cứu Lê Ngọc Trà từng nói: “Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm, là sự tự giải bày và gửi gắm tam tư”, như vậy, từ nỗi đau, từ số phận bi thương, từ tiếng khóc than hay lời tuyệt vọng, tác phẩm văn học đã vượt qua mọi bờ cõi và giới hạn, khiến người gần người hơn, xoa dịu nỗi đau, thỏa lấp vết thương lòng và rung lên những cung bậc tình cảm sâu xa nhất.
10. Văn chương – đó không chỉ là cái đẹp, cái bóng bẩy của ngôn từ, của nghệ thuật thanh cao thuần khiết, không chỉ là thứ nước phép màu nhiệm thanh lọc và tưới mát tâm hồn mà hơn thế, văn chương còn là tình yêu, cuộc sống của bao người. Như biết bao người cầm bút trên cõi đời, gánh trên vai thiên chức và trách nhiệm của nghề văn. Nam Cao đã đúc kết cho mình một quan niệm sâu sắc về nghệ thuật: “Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp làm than”. Có lẽ, đối với nhà văn, phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của những người lao động nghèo khổ bị đày đọa giữa chốn lầm than chính là mục tiêu của người cầm bút.
11. Văn chương như một thước phim quay chậm thâu tóm vào tầm mắt con người những cảnh quay sâu sắc nhất của hiện thực đời sống. “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng được xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại” (Nguyễn Đình Thi).
12. Trong đại dương nghệ thuật mênh mông, có những viên ngọc ngàn đời bất tử, nhưng cũng có những chiếc thuyền nghệ thuật đắm khi chỉ vừa ra khơi. Bởi lẽ, những tác phẩm qua bao biến cố thăng trầm vẫn vẹn nguyên và làm bao trái tim xúc động chỉ có thể là những tác phẩm giúp: “con người khám phá thế giới và tìm thấy chính mình”.
13. Văn học phải chăng cũng tựa bản nhạc mà nhạc sĩ Eđua Grigơ viết tặng nàng Đanhi – điệu nhạc du dương rạo rực, phập phồng hơi thở cuộc đời, như tiếng tù và vang vọng cánh rừng thông, tiếng gió reo ca trong những dây buồm… nơi thành phố Bécghen, quê hương nàng. Văn học là cuộc sống, là kết tinh muối mặn cuộc đời. Vậy phải chăng công việc của nhà văn nhất thiết chỉ cần đơn thuần dựa trên sự quan sát chính xác, không cần đến sáng tạo, tưởng tượng?  Cũng như nhiều nhà văn khác, Maupassant hoàn toàn bác bỏ ý kiến trên. Ông không cho phép ai phủ nhận sự sáng tạo bởi nó mang đến sự phồn vinh của ý sáng tác, là đất đai mang vàng bạc đến cho thơ văn. Nói theo Hoài Thanh thì: “Nhà văn không có phép thần thông để vượt ra ngoài thế giới này nhưng thế giới trong con mắt nhà văn phải có một hình sắc riêng.”
14. Đã trở thành một qui luật chung, bất di bất dịch, văn chương của anh sẽ mãi tươi màu, neo chặt trong bến tâm hồn người thưởng thức chỉ khi anh – nhà văn chấm ngòi bút của mình vào nghiên mực cuộc sống. Cuộc sống chính là mạch sữa ngọt ngào tuôn chảy không ngừng từ thế hệ này sang thế hệ khác để nuôi dưỡng văn học. Song nghệ thuật cũng là hoạt động của trí tưởng tượng bất kham và sự sáng tạo là “thâm cung linh thánh” của văn học. Vì vậy trong quá trình sáng văn học nói chung và sáng tác thơ ca nói riêng, người cầm bút không chỉ mang trách nhiệm “người thư kí trung thành của thời đại” mà còn phải “sáng tạo những gì chưa có”.
15. Với nhu cầu khẳng định cái tôi cá nhân, cá thể, các nhà thơ mới đã “đồng loạt cất lên bản hòa tấu tuyệt đẹp với những âm thanh mới lạ, tân kỳ chưa từng có trước đó” (GS. Hồ Thế Hà)
16. Thi ca là quá trình phản ánh và sáng tạo đời sống. Thơ là hoa thơm của cuộc đời nhưng nếu chỉ được kiến tạo từ trí tưởng tượng và cái tôi bé nhỏ thì nó chỉ là “những bông hoa làm bằng vỏ bào nhuộm khéo, một thứ vàng mạ.” (Pautovsky). Trong thơ văn, sự sáng tạo thi vị hóa sự phản ánh để nó trở nên mới mẻ, thu hút, giàu sức sống cũng như sự phản ánh giúp cho sự sáng tạo không chệch hướng, không trở thành những điều vô nghĩa. Nhà thơ phải là “người thư kí trung thành của thời đại” (Balzac) nhưng đồng thời dấu ấn chủ quan của anh phải được khẳng định. Vì vậy với tư cách là một chỉnh thể thẩm mĩ, mỗi bài thơ phải là sự kết hợp hài hòa giữa tính khách quan của chất liệu hiện thực và tính chủ quan của quá trình sáng tạo.
17. “Lời tuyệt vọng là lời ca hay nhất/ Tiếng nấc kia chứa tuyệt bút muôn đời” (Muytxe). Đi sâu vào nỗi đau của con người, nghệ thuật chạm tới những khoảnh khắc giằng co dữ dội nhất trong nội tâm mỗi con người, khám phá ra sự va đập giữa Thiện và Ác, giữa Phần Con và Phần người để từ đó nhận ra những “sự thực ở đời”, hiểu được tính người trong mỗi con người.
18. Không phải nỗi đau nào cũng có thể trở thành nghệ thuật, và không phải cứ viết về nỗi đau thì sẽ trở thành tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao. Nỗi đau, cũng như mọi tình cảm khác, chỉ có giá trị khi nó đã được siêu thăng dưới lý tưởng của thời đại, khi nó được dẫn dắt bởi một tư tưởng. Điều đó có nghĩa là những nỗi đau buồn vẩn vơ, vụn vặt, vô nghĩa của một cá nhân, thì khó có thể trở thành nghệ thuật đích thực. Đó phải là nỗi đau mở ra ý nghĩa sống, từ nỗi đau của một người mà nói lên nỗi đau của vạn người. Vấn đề còn nằm ở chỗ, người nghệ sĩ phản ánh nỗi đau ấy như thế nào và để làm gì. Nếu viết về nỗi đau chỉ như một thủ pháp câu khách hay chỉ để mãi mãi nhấn chìm con người trong hố sâu tuyệt vọng, thì tác phẩm ấy sớm lụi tàn. Quan trọng là từ những nỗi đau, tác phẩm văn học tiếp lửa và truyền sự sống, giúp người đọc trưởng thành hơn.
19. “Cuộc sống trong ngôn từ” không chỉ bó hẹp trên trang giấy. Mà “cuộc sống” ấy chỉ thực sự ý nghĩa khi mở rộng đường biên của nó từ trang giấy của nhà văn mà bước vào đời sống. Trang văn khép lại, tác phẩm mới thực sự sống. Sự sống ấy thể hiện ở việc cải tạo, tác động vào hiện thực cuộc sống thông qua đối tượng tích cực nhất chính là con người. Những tác phẩm chân chính có thể là những cuộc cách  mạng về tư tưởng mang đến những thay đổi lớn lao trong xã hội. Có những tác phẩm dù ra đời hàng trăm năm, nhưng sức sống của nó vẫn mãnh liệt và lay động tâm hồn người đọc mọi thời.
20. “Ai bảo dính vào duyên bút mực

Suốt đời mang lấy số long đong”

Nguyễn Bính đã thở than như thế . Phải chăng vì những quy luật đào thải khắc nghiệt của văn chương đã góp phần tạo nên những phận đời long đong của nghiệp cầm bút ? Nó đòi hỏi nghệ sĩ phải luôn nỗ lực để trải lòng mình ra trang giấy để tạo nên những tác phẩm đong đầy cảm xúc và tư tưởng. Vì “ Nội dung của tác phẩm không bao giờ chỉ là sự lý giải dửng dưng lạnh lùng mà nó gắn liền với cảm xúc mãnh liệt.” (Lê Ngọc Trà).

1. Đã có thời ai cũng nghĩ thi nhân là người suốt ngày “nâng khăn lau mắt lệ” , cứ mộng mơ theo ánh trăng dưới nước hình hoa trong kính mà quên đi thực tại. Và cũng đã có lúc người ta nghĩ những nhà văn tựa những nhà giáo huấn mang con chữ đi để truyền đạt những giáo điều tách rời của hiện thực cuộc sống con người. Không. Những cảm xúc nồng nàn của thơ ca âu cũng là cầu nối để thơ ca truyền đạt tư tưởng . Và những triết lý nhân sinh mà nhà văn gửi gắm trong văn chương của mình trước tiên bao giờ cũng là lời cất lên từ những tiếng thét khổ đau, lời ca tụng hân hoan.
2. Ai đã từng mang cõi lòng say mê bước vào địa hạt văn chương chẳng mong để lại một tác phẩm hay?  Nhưng thế nào là hay? Hẳn nhiên có rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan để làm nên một tác phẩm hay. Nhưng rõ ràng chúng ta không thể phủ nhận được rằng một trong những yếu tố tiên quyết đó chính là nội dung của tác phẩm ấy sẽ có một sự hòa hợp giữa tư tưởng và tình cảm. Bởi lẽ nếu các ngành khoa học khác đã chọn lựa nội dung từ các định lý, định luật. Văn học lại là ngành nghiên cứu về con người. Con người chính là “một tiểu vũ trụ” (theo triết học Phương Đông) . Vũ trụ ấy không chỉ tồn tại những bầu cảm xúc mãnh liệt : yêu , buồn , hờn , giận, lòng căm thù hay lòng ngưỡng mộ. Nó bao la hơn , sâu sắc hơn bởi những cảm nghĩ của con người và triết lý của con người về cuộc đời. Vì vậy khi văn học đã khẳng định mình “và cuộc sống là hai đường tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu) thì cũng đồng nghĩa là những điều mà văn học nhớ nhung , day dứt, ca ngợi đều được đong đầy , trải ra trên bề mặt tư tưởng và tình cảm. Bởi lẽ nếu thiếu tình cảm thì văn học cũng chỉ là sự thuyết giảng đạo đức. Rồi người đọc sẽ nhàm chán với những triết lý khô cứng ấy mà lãng quên đi tác phẩm đó.  Nếu văn chương chỉ trọng tình mà không thổi được vào những dòng chữ của mình những dòng tư tưởng sâu lắng thì tác phẩm ấy cũng không thể đáp ứng được nhu cầu thực sự của người đọc.  Bởi lẽ “Người đọc tìm đến nhà thơ , là để đòi hỏi một cách sống , không phải chỉ hỏi một lý tưởng như một nhà triết học mà hỏi cách cảm xúc, cách thương, cách nhớ, cách giận, cách ghét như một người yêu.” (Chế Lan Viên). Như một ngọn gió bất thần làm rung động những cánh hoa, cuộc sống là nguồn mang đến cảm hứng dồi dào cho người nghệ sĩ. Và tác phẩm lại rung động người bằng nội dung có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư tưởng và tình cảm .
3. Văn chương chưa bao giờ và sẽ không bao giờ là đại hồng thủy để xóa sổ mọi lầm lạc của con người. Văn chương là dòng sông nhỏ góp nhặt phù sa, bồi đắp và nâng giấc tâm hồn con người. Và chính con người bằng hai bàn tay mình mang tin yêu về với tin yêu , đem sự sống trở về sự sống , mang nỗi đau buồn san sẻ với những tâm hồn đồng điệu.
4. “Người đọc tìm đến nhà thơ là để đòi hỏi cách sống, không phải chỉ hỏi lý tưởng như một nhà triết học, mà hỏi cách cảm xúc, cách thương, cách nhớ, cách giận, cách ghét như một người yêu” (Chế Lan Viên) . Và “Khi một nhà văn mới xuất hiện , ta sẽ đặt ra một câu hỏi rằng liệu anh ta có thể mang đến cái gì mới cho ta” (Lev Tonxtoi)? Người đọc vì thế luôn là một điều trăn trở cho bất kì nhà văn, nhà thơ mang khát vọng bất tử hóa tác phẩm. Bởi người đọc trước khi tìm đến văn học thì họ là bản thể của những cảm xúc và suy nghĩ riêng . Họ hoàn toàn có thể nhìn và đón nhận cuộc sống bằng những cách cảm nhận sâu sắc của riêng mình. Vì vậy họ tìm đến văn học không phải là họ tìm đến những điều mà họ đã trông nghe mắt thấy . Họ cũng không chờ đợi những áng văn,thơ trùng lập nhau về tư tưởng tình cảm hay giống nhau về hình thức triển khai. Họ cần những nhân vật, tình huống . chi tiết trong văn chương hay thơ ca gọi cho những cách nhìn , cảm xúc mới mẻ về cuộc sống . Họ gửi gắm vào văn học những khát vọng được hóa thân vào những vai diễn mới, sống nhiều cuộc đời của nhiều nhân vật để được trải nghiệm cuộc sống trong từng thời đại và không gian khác nhau.- nơi mà họ chưa từng và sẽ không bao giờ tới được. Một tác phẩm muốn sống bền thì phải mang đến cho người đọc được những sự sáng tạo về nội dung lẫn hình thức. Như vậy có thể khẳng định người đọc chính là động lực thôi thúc những cái riêng của nhà thơ, nhà văn trổ mình.
5. Thế nhưng văn học không chỉ muốn dừng lại ở cái bóng mang tâm tư của nhà văn/nhà thơ lảng vảng trong trần thế. Hơn vậy, nó mong muốn vươn mình trở thành những người hộ mệnh cho người đọc. Sứ mệnh của những người hộ mệnh văn học là phải “tố cáo và thay đổi thế giới giả dối tàn ác” (Thạch Lam), “truyền thổi vào giữa tâm hồn người đọc niềm tin vào cuộc sống , một tình yêu bát ngát đối với cuộc sống “ (Nguyễn Minh Châu ). Nhưng văn học muốn tác động vào những mảng tâm hồn sâu kín của độc giả thì trước hết nó phải có một đời sống riêng, một cá thể khác biệt. Đến đây nhiều người sẽ phản bác rằng: Nếu chạy theo những dị bản thì văn học phải chăng đang mang đến cho các tác phẩm của mình sự thoát ly hay lãng quên? Và thế giới của những điều khác lạ chính là chốn thần tiên? Không những điều mới mẻ ở đây là những thái độ và cách đánh giá về hiện thực cuộc sống đầy tính cá thể  của nhà văn, nhà thơ. Bề dày lịch sử văn học thế giới đã tạo dựng được hàng loạt những khám phá riêng ấy. Song điều đó không có nghĩa là nghệ sĩ được phép lùi bước sáng tạo. Nhà thơ có thể “lật đổ cái án cũ” hay “các anh có thể học tập tất cả nhà văn có phong cách điêu luyện nhưng các anh hãy tìm lấy nốt nhạc cho riêng mình ” (Maxim Gorki) . Và cũng chỉ có những gì mới lạ nhất , tinh xảo nhất được chọn lọc bởi chính nhà văn mới khiến người đọc kẻ ngẩn ngơ , người bâng khuâng , mơ hồ những cảm xúc không dám nói . Hay nói cách khác, chỉ những điều mới lạ mới tác động cùng họ, hành động cùng họ , bảo vệ họ khỏi những điều xấu xa tàn nhẫn để đưa họ đến những lẽ sống cao đẹp ở đời. Những điều nhỏ nhen , tầm thường chưa bao giờ thu hút hay tác động được tới người đọc. Vì vậy tác phẩm nghệ thuật ra đời trong sự sáng tạo một cách tự nhiên. Điều này đã trở thành bản chất của văn học cũng là nhiệm vụ mà bất kì người nghệ sĩ  chân chính nào cũng phải hoàn thành.
6. Nhà văn Phê-đin từng cảm thán về tác phẩm “Phục sinh” của văn hào Lev Tolstoy rằng: “Nhêkhliuđốp là một công cụ tinh vi, sắc bén – ngoài Nhêkhliuđốp ra, không ai có thể vạch ra tốt hơn những bí mật của bọn người nhà nước đang nắm giữ chính quyền, cũng như những bí mật của tâm hồn người Nga đang bị bóp nghẹt dưới chế độ Nga hoàng…Hãy thay thế Nhêkhliuđốp bằng một nhân vật khác, và như vậy “Phục sinh” cũng mất theo”. Phải chăng, nhân vật văn học chiếm một vai trò hết sức quan trọng đối với sự sống còn của tác phẩm? Phải chăng, qua mỗi nhân vật ta sẽ hiểu hơn về những triết lý, giá trị của cuộc đời, sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về thời đại? Thật vậy, “trong tác phẩm tự sự như tiểu thuyết, truyện ngắn hay tác phẩm kịch, nhân vật bao giờ cũng là yếu tố mang nghĩa thể hiện các giá trị nhân sinh”.
7. Văn học không thể thiếu nhân vật vì đó chính là phương tiện, là công cụ để người nghệ sĩ bày tỏ quan điểm của mình về những vấn đề nhức nhối của xã hội, những “giá trị nhân sinh” trong cuộc sống. Qua hình tượng nhân vật, bạn đọc sẽ có nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn về cuộc đời. Hay nói cách khác, nhân vật văn học chính là chìa khóa để độc giả “hiểu biết, khám phá và sáng tạo thực tại xã hội” (Phạm Văn Đồng). Có thể nói rằng, nhân vật nghệ thuật chính là con thuyền chuyên chở những gửi gắm, tâm tư của người nghệ sĩ, để khi cập bến, bạn đọc sẽ nhận ra những bài học quý giá để hiểu đời hơn, hiểu mình hơn. Đã hoàn toàn chính xác khi nói rằng: “Trong tác phẩm tự sự như tiểu thuyết, truyện ngắn hay tác phẩm kịch, nhân vật bao giờ cũng là yếu tố mang nghĩa thể hiện các giá trị nhân sinh”.
8. Người đọc tìm đến nghệ thuật như thể tìm đến một suối nước trong lành để được nếm trải những kiếp người, những phận đời, những hoàn cảnh khác nhau để được hiểu con người hơn, để sống như một con nguời chân chính. Để đáp lại tình cảm đó, làm sao nhà văn có thể xây dựng nên những nhân vật một cách cẩu thả, hời hợt, mỗi nhân vật ra đời phải là kết tinh của cả một quá trình học hỏi, tìm tòi những sự thực ở cuộc đời.
9. Nhà văn Ý Claudio Magris đã nhận xét: “Văn học không quan tâm đến những câu trả lời mà nhà văn đem lại mà chỉ quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời nào”. Đến với mỗi tác phẩm, ta không thể là một độc giả thụ động chỉ biết chấp nhận những triết lý mà nhà văn đưa ra, ngược lại, họ phải tìm tòi và khám phá không ngừng để trả lời những câu hỏi mà người nghệ sĩ mở ra nơi số phận của nhân vật. Có bao giờ khi tìm đến một tác phẩm, ta bỗng cảm thấy hình như bản thân mình cũng cho chút niềm vui khi thấy nhân vật hạnh phúc? Có bao giờ ta đọc một áng văn, dõi theo cuộc đời một nhân vật để rồi cất lên câu hỏi: “Sao số phận họ lại bế tắc và khốn khổ như vậy?” hay “Sao cái ác lại lộng hành như thế?”,… Mỗi câu hỏi được đưa ra là một lần bạn đọc đến gần hơn với nhân vật, họ muốn lý giải những khúc mắc, những câu hỏi về cuộc đời của nhân vật ấy, để rồi từ đó sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa con người và thời đại. Marxim Gorki đã nói: “Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người”, bởi lẽ, khi một câu hỏi được giải đáp, độc giả sẽ hiểu về chính mình nhiều hơn.
10. Điều gì đã làm nên sức sống mãnh liệt của văn chương? Mỗi nhân vật là một cuộc đời riêng, là một viên gạch nhỏ làm nên bức tường thành nghệ thuật vững chắc. Qua mỗi nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian.
11. Độc giả trung thành của văn chương qua bao thời đại vẫn yêu quý “Iliad” (Hô-me-rơ) - thiên sử thi kinh điển của văn minh châu Âu với cuộc chiến khốc liệt giành lấy thành Troa thuở xưa, vẫn say mê với mối tình thủy chung của Rama và nàng Sita trong trường ca Ấn Độ “Ramayana”,… Điều gì đã khiến những tác phẩm từ thời xa xưa vẫn trường tồn, vẫn sống mãi với thời gian? Dẫu có nhiều bàn luận cùng những ý kiến trái chiều, những “đứa con tinh thần” ấy vẫn vẹn nguyên giá trị qua bao thế hệ? Phải chăng, điều kì diệu bắt nguồn từ sự tài năng và tâm hồn dạt dào xúc cảm của người nghệ sĩ? Để trả lời câu hỏi này, nhà thơ Chế Lan Viên đã viết:

“Nhà thơ lớn ư? Là để cho nhân loại yêu mình bằng mọi cách

Khi thì nâng niu, khi thì hạch sách

Khi giày vò mỗi chữ

Khi trân trọng ngắm từ xa

Nhà thơ vẫn vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa

Yêu mà”.

1. Nhà thơ chỉ “vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa” khi sáng tác của họ neo đậu nơi tâm hồn bạn đọc, tạo nên “sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại” (Hoài Thanh), hoàn thành sứ mệnh là trở thành “cuốn sách giáo khoa của đời sống” giúp con người hiểu đời, hiểu mình hơn. Tài năng và tâm hồn là yếu tố làm nên một người nghệ sĩ thật thụ, một “nhà thơ lớn”!
2. Nhà văn Nam Cao đã viết: “Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho tất cả loài người”, vậy điều gì đã làm nên sức sống mãnh liệt của văn chương, đã cho nó sức mạnh vượt qua mọi “bờ cõi và giới hạn” như vậy? Một tác phẩm chân chính như hạt mầm xanh được vun trồng nơi mảnh đất cuộc đời đầy nắng gió nhưng phải nhờ dòng nước mát lành chảy từ tâm hồn của nhà thơ mà lớn lên. Sẽ ra sao nếu tác giả từ cô lập mình ra khỏi cuộc sống, không đắm mình dưới cơn mưa thời đại mà tạo nên tác phẩm? Như một quy luật bất biến của nghệ thuật, văn chương sinh ra đã phải cắm rễ vào hiện thực, vậy nên, nhà thơ không thể quay lưng lại với cuộc sống, thả mình vào thế giới mộng tưởng, viển vông mà thai nghén nên “đứa con tinh thần” của mình được. Bắt nguồn từ hiện thực nhưng không có nghĩa là nhà thơ sẽ sao chép nguyên xi mọi thứ vào tác phẩm của mình. Họ chỉ rộng mở tấm lòng để đón lấy những âm vang cuộc sống, quan tâm sâu sắc để những biến chuyển, đổi thay của thời đại, hướng tới sự đồng cảm và sẻ chia với mọi người. Nhà thơ chỉ “vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa” khi họ biết vui với niềm vui cuộc sống, đau trước nỗi đau nhân thế, biết “hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại” (Lev Tolstoy). Nhà thơ Nga Lermontov từng tâm sự: “Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng ngập tràn nhớ nhung…Khi đó tôi viết”, cảm xúc mãnh liệt và cháy bỏng chính là dòng nhựa sống nuôi dưỡng trang thơ, là cây cầu kết nối những trái tim, đưa “điệu hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu” (Tố Hữu).
3. Nhà văn Nguyễn Công Hoan đã bày tỏ quan điểm của mình về nghệ thuật: “Muốn viết văn, trước hết phải sống. Đừng có cậy ở thiên tài. Thiên tài chỉ cho ta nghệ thuật, sống mới cho ta nội dung”, nhà thơ viết về cuộc sống, đúng, nhưng nó không thể là những câu thơ hời hợt và tẻ nhạt. Thơ hay, ngoài chứa đựng dòng cảm xúc sâu sắc còn phải được viết nên từ tài năng của tác giả. Người nghệ sĩ phải có đôi mắt tinh tường để nhận thấy sự chuyển biến của thời đại, nắm bắt sự thay đổi của cuộc đời. Không những vậy, nhà thơ còn cần đến vốn kiến thức sâu rộng, bao quát từ văn hóa, nghệ thuật đến triết học, tôn giáo, lịch sử, xã hội,… như thế, “đứa con tinh thần” của họ khi được sinh ra sẽ mang đậm dấu ấn thời đại, cắm rễ vững vàng vào lòng đất mà lớn lên, đơm hoa kết trái làm đẹp cho đời. Tài năng của nhà thơ sẽ là nền tảng kiên cố, chắc chắn để giữ gìn giá trị tác phẩm, khiến nó sống mãi với năm tháng và người nghệ sĩ vẫn mãi “vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa”.
4. Nếu nhà thơ không có dấu ấn cá nhân, không có sự đột phá trong phong cách sáng tác, tác phẩm mà họ viết ra sẽ trôi dần vào quên lãng, và người nghệ sĩ sẽ mãi loay hoay trong lối mòn lặp lại người khác, lặp lại chính mình. Hay nói như Phương Lựu: “…đó là một sự tự sát trong văn học, một lĩnh vực tối kỵ sự nhai lại ngay cả đối với những chân lý quan trọng”, vậy nên, nhà thơ sẽ không thể đối mặt với cuộc đời, với độc giả khi tác phẩm của họ hoàn toàn mờ nhạt, lặp lại người khác. Thử hỏi, khi ấy tác giả có còn “vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa” được không? Việc đánh mất cá tính sáng tạo cùng phong cách độc đáo sẽ khiến nhà thơ trở nên loại “nghệ sĩ con rối” (Chế Lan Viên), để rồi đến một lúc, họ không còn là chính mình nữa:

“Người diễn viên ấy đóng trăm vai vai nào cũng giỏi

Chỉ một vai đó không đóng nổi:

Vai mình!”

(Nghĩ về thơ)

1. Nhà phê bình Hoài Thanh, Hoài Chân qua “Thi nhân Việt Nam” đã khẳng định: “Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lúc một hồn thơ rộng lớn như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên.... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu”. Mỗi tác phẩm ra đời dù thu về những bình luận, ý kiến trái chiều nhưng ta vẫn không thể phủ nhận tài năng và cá tính độc đáo của mỗi nhà thơ. Họ chính là người nghệ sĩ thật thụ, là “nhà thơ lớn” được “nhân loại yêu bằng mọi cách”.
2. Làm thơ cũng như xây một ngôi nhà và ngôn ngữ chính là những viên gạch làm nên ngôi nhà ấy. Vậy nên, nếu viên gạch xộc xệch, được nung cách cẩu thả thì ngôi nhà cũng không thể đứng vững được. Bởi thế, thơ muốn hay thì ngôn ngữ phải thật cô đọng, hàm súc, không sáo rỗng, để rồi khi bạn đọc tìm đến thi ca, họ sẽ được chiêm ngưỡng một thế giới đầy màu sắc, phong phú của ý nghĩa, hình ảnh, cảm xúc,… Ngôn ngữ thơ chính là cánh cổng đưa dẫn ta đến những chân trời yên ả, để từ đó ta có khoảng lặng mà hòa mình vào từng câu chữ, hiểu cặn kẽ từng khía cạnh của thơ ca, lúc ấy, thơ mới thật sự “giàu sức gợi”. Nhà thơ Lưu Trọng Lưu đã đưa ra nhận định hoàn toàn chính xác, đó cũng là quy luật của ngôn ngữ thơ ca: “Câu thơ hay là câu thơ giàu sức gợi”.
3. Lưu Trọng Lư cũng từng viết: “Thơ sở dĩ là thơ bởi vì nó súc tích, gọn gàng, lời ít mà ý nhiều”. Sáng tác thơ cũng như làm thí nghiệm hóa học, mỗi chữ viết ra không được thừa, cũng không được thiếu, khi ấy ta mới thu được hạt muối kết tinh của nghệ thuật. Hay nói như nhà thơ Nga Maiacopxki: “Quá trình sáng tạo ngôn ngữ thơ ca cũng giống như người lọc quặng radium, lọc lấy tinh chất, tìm ra trong những cái bộn bề của những tấn quặng từ đẹp, ánh sáng kim cương”. Ngôn ngữ là những tinh hoa quý giá nhất của một người làm thơ, đó là nơi họ nhắn nhủ những tâm tình, trao gửi bao ước mơ, hoài bão. Thế thì đó càng không thể là thứ câu chữ tầm thường, vặt vãnh được. Ngôn ngữ thơ phải như đóa hoa e ấp, đủ quyến rũ và cuốn hút để nhân loại tìm đến nó, cho đến khi gặp được rồi, đóa hoa ấy sẽ nở rộ với hương thơm làm say đắm lòng người. Độc giả tìm đến thi ca với tư thế là những nhà thám hiểm, họ càng đọc, càng đào sâu vào từng tầng nghĩa của ngôn ngữ sẽ càng gợi mở ra những giá trị nhân sinh sâu sắc. Đôi lúc chỉ cần một từ thật hay, thật sắc cũng đủ khiến tác phẩm neo đậu nơi tâm hồn bạn đọc, khiến họ tìm đến nó như một thế giới kì diệu để có thể thỏa sức khám phá. Tiếp nhận một bài thơ không phải ngày một ngày hai mà có thể hiểu hết được mọi ý nghĩa của nó, ta đọc rồi, phải đọc nữa, đọc mãi thì ta mới có thể nhận ra vẻ đẹp ẩn lấp sau lớp ngôn từ ấy. Vậy thử hỏi, nếu thơ ca không cô đọng, súc tích, mọi ý nghĩa đều phơi bày ra ngoài thì sẽ chán chường, nhạt nhẽo đến dường nào?
4. Nhà thơ Xuân Diệu từng khẳng định: “Không thể tóm tắt thơ được” cũng vì lẽ đó. Thơ ca có được sức cong nhờ vào ngôn từ bóng bẩy, nội dung trau chuốt, hàm chứa nhiều ý nghĩa. Nó phản ánh cuộc sống nhưng con người không dễ dàng “tóm tắt” hay nắm bắt được. Con người phải suy tư, cảm nhận độ “cong” mĩ miều của từng vần thơ. Như vậy, Viên Mai đã khuyên con người phải sống thật ngay thẳng. Mặt khác, nhà văn cũng mong muốn những bài thơ phải có độ “cong” nhất định. Sự mềm mại, trau chuốt khiến bài thơ để lại ấn tượng đẹp trong lòng độc giả.
5. Tựa những phím đàn đen - trắng xen kẽ cất lên bản hòa ca; văn chương cũng tồn tại hai mặt nội dung phản ánh. Nó không chỉ ngợi ca niềm vui mà còn viết về những góc khuất trong bề sâu bản thể người, đặc biệt là nỗi ám ảnh về cái chết. Nội dung ấy có phần hơi tiêu cực, đi ngược lại vẻ đẹp mà văn học thường hướng tới nhưng lại là một phần không thể thiếu. Đó cũng chính là những cuốn sách viết về “cái chết”, “có nội dung như đi ngược lại cuộc đời”. Và, nếu là một “cuốn sách hay”, tức một tác phẩm văn học có giá trị, thì nó cũng sẽ “trở thành dưỡng chất và chất kích thích cho việc sống của chúng ta” - nuôi dưỡng tâm hồn bạn đọc. Như vậy, nhận định của Shiratori Haruhiko đã bàn với bạn đọc về sứ mệnh cao cả của văn chương, khi nó giúp con người tìm thấy sự sống đằng sau những mặt tối của đời.
6. Trong bài viết “Trang giấy mở lòng ra”, khi nhận xét về “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” và “Nhật ký Nguyễn Văn Thạc”, nhà nghiên cứu Huỳnh Như Phương có viết: “Những trang giấy ố vàng, một ngày nọ, không chấp nhận cái thế giới im lặng tưởng như vĩnh cửu, đã mở lòng ra với cuộc đời rộng lớn chung quanh. Và những trang sách của những tâm sự riêng tư đã vượt khỏi câu chuyện của một người để trở thành câu chuyện của muôn người.”
7. Khi con người đang chìm vào nỗi lo trước những biến động thời đại, văn chương tựa như một trụ đỡ tinh thần. Bởi, nó “không chấp nhận cái thế giới im lặng tưởng như vĩnh cửu” - không muốn nhân loại chỉ nhớ đến mình như những con chữ vô hồn trên trang giấy. Văn chương tự phá tung lớp vỏ ngôn từ kia để “mở lòng với cuộc đời rộng lớn chung quanh” - đón nhận đời sống và bước ra thế giới thực để tìm người bạn tri âm. Và rồi, khi bắt gặp một tâm hồn khao khát đồng điệu, văn chương len lỏi vào trái tim họ, khiến cho “những tâm sự riêng tư vượt khỏi câu chuyện của một người để trở thành câu chuyện của muôn người”. Đó là lúc thế giới quan và nhân sinh quan của người nghệ sĩ hòa vào trái tim ấm nóng của người đọc, trở thành cầu nối giữa tâm hồn và tâm hồn, giúp độc giả tìm thấy sự đồng điệu nơi con chữ giàu sức gợi. Như vậy, giáo sư Huỳnh Như Phương đã nhìn thấy bản chất đối thoại của văn chương, khi “tác phẩm văn học chân chính không bao giờ kết thúc ở trang cuối cùng” (Aimatop) mà luôn mở rộng biên độ tồn tại của mình với cuộc sống, với muôn người.
8. Tựa như con sóng khi tràn bờ, văn chương mang theo những tâm tư tình cảm của người nghệ sĩ thấm sâu vào lòng người đọc. “Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay những giọt nước mắt đắng cay” (Raxun Gamzatop). Văn chương được hình thành từ những rung động của nhà văn trước cuộc sống. Có thế, trang văn kia mới có sức lay động mãnh liệt với những tâm hồn đồng điệu. Song, trước những cảm xúc mãnh liệt, nhà văn gửi gắm vào đó những tư tưởng sâu sắc, bởi “giá trị của một tác phẩm trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó” (Nguyễn Khải). Đi từ trái tim đến khối óc, đó là cách văn chương khiến những tâm sự của riêng tác giả trở thành câu chuyện của nhân loại. Tác phẩm mang dấu ấn của văn nhân, song lại không phải là câu chuyện của một người. Bởi, văn chương chỉ cho ta những giây phút “khiến con người tin vào bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình” (Gorki) khi ta nhìn thấy mình trên trang giấy. Ta lắng nghe tiếng lòng của người nghệ sĩ nhưng thực chất là lắng nghe những xao động trong tâm hồn mình. Nếu không đi vào trái tim như thế, những tâm sự của nhà văn sẽ trở thành thứ tư tưởng giáo điều, khô khan và cứng nhắc. Khi ấy, bạn đọc không còn hứng thú với tác phẩm. Và, nếu nghệ thuật không còn là nơi để đối thoại cho tâm hồn, nó sẽ đứng trước nguy cơ bị băng hoại bởi thời gian. Cũng bởi, sáng tác là quá trình “mở hồn ra đón lấy mọi vang động của đời” (Nam Cao). Thế nên, nhà văn phải đón nhận mọi biến chuyển của cuộc sống, phải từ câu chuyện của cá nhân mình mà thấu hiểu câu chuyện của muôn người. Một nhà văn chân chính phải là người gọi thức nỗi đau của nhân loại bằng nỗi đau của chính mình để rồi chữa lành cho tất cả. Có thể thấy, văn chương đã vượt qua giới hạn của ngôn từ để trở thành sợi dây kết những tâm hồn đồng điệu, khiến người sống gần người hơn thông qua nhân sinh quan nơi người nghệ sĩ.
9. *Là một nhà văn lớn, Nguyễn Khải phát biểu về quá trình sáng tạo của người làm nghệ thuật: “Có thể xem quá trình sáng tạo là quá trình luyện ngọc. Tác phẩm được hình thành, hình tượng được tạo ra lung linh ánh sáng của ngọc quý. Nhưng nếu tinh ý, ta có thể nhìn thấy máu, thấy nước mắt, thấy niềm vui và nỗi đau của người thợ kì tài”.*